Và rồi, Hurst tiếp tục kể lại câu chuyện của Peter Moore. Không một thớ thịt nào chuyển động trên mặt Gordon Miller trong lúc lắng nghe Hurst nói. Đến đoạn cuối, ông ta đăm đăm nhìn viên thanh tra và tiến sĩ Twist một lúc lâu, rồi tuyên bố bằng giọng bình thản, “Đời tôi đã nghe vài câu chuyện phóng đại rồi, thưa ông thanh tra, nhưng không thể so sánh được với những gì ông vừa kể, chẳng là gì ngoài một chuỗi những lời bịa đặt từ đầu chí cuối.”

14

Đúng hay sai

K

hông ai nói gì một lúc lâu. Sau đó, nhà viết kịch phá vỡ sự im lặng với một nụ cười.

“Tôi bắt đầu hiểu ra. Theo ông, thưa ông thanh tra, tôi là nạn nhân của một âm mưu của Donald Ransome. Cậu ta chiến thắng trong trò chơi sấp ngửa quyết định ai sẽ là người gây tội ác, nên đã tiến hành thủ tiêu thư ký Moore theo cách thức đặc biệt để đổ tội cho tôi. Giả định là đúng như vậy, và rằng Donald với tôi thực sự ghét nhau như các ông nhận định - nói cách khác, coi như câu chuyện của các ông là đúng đi, mặc dù chứa đựng rất nhiều chỉ tiết hoang đường - thì các ông có nghĩ tôi lại đi dựng lên một lời khai như vậy để biện hộ cho mình không? Giả vờ là chính tôi đã bắn một tên trộm không?”

“Tôi không nghi ngờ lời khai của ông, ông Gordon. Ông đã kể lại đúng thực tế ông trải qua.”

“Vậy thì, đâu là vấn đề? Chắc ông không bảo rằng tôi mơ tưởng mọi chuyện chứ? Rằng tôi say thuốc hay gì đó chứ?”

“Tôi chưa có thời gian rà soát một lượt vụ việc trong đầu, nhưng tôi nhìn thấy một khả năng. Giả định rằng thư ký của ông đã chết từ trước lúc ông xuống nhà, bị bắn bằng khẩu Remington có lắp giảm thanh, xác anh ta được đặt tựa vào bộ giáp hoặc thậm chí đặt ngay dưới chân. Sau đỏ giả định rằng súng được thay một vỏ đạn rỗng - cùng loại vỏ đạn, cùng loại thuốc súng, nhưng không có đạn và đặt lại đúng chỗ. Ông vẫn không hiếu ư? Ông bảo tên trộm giơ tay lên, anh ta bèn ném đèn pin vào ông và trúng bộ giáp nên vỡ tan dưới sàn. Anh ta lao về phía ông và ông bắn - thực tế là một phản xạ tự động trong hoàn cảnh đó và dự đoán được, qua việc ông vớ lấy khẩu súng, mà tôi cho là thứ vũ khí nạp đạn duy nhất trong phòng - rồi kẻ tấn công gục xuống sàn. Ông lần ra chỗ công tắc, mất hai mươi giây trong bóng tối thì đèn bật sáng.”

“Tôi hiểu. Kẻ đột nhập, vốn chưa chết và không ai khác hơn là Donald Ransome, có đủ thời gian tẩu thoát qua ô cửa sổ đế ngỏ.”

Hurst hỏi kèm một nụ cười khích lệ, “Ông nghĩ sao, ông Gordon? Liệu có thể xảy ra như thế chăng?”

“Chắc chắn là có thể,” nhà viết kịch thừa nhận kèm một tiếng thở dài bực bội. “Mọi việc xảy ra quá nhanh và trong tình cảnh hiểm nghèo, tôi không thể nghĩ được chi tiết gì trái ngược với chuỗi sự kiện của ông. Nhân tiện, ông thanh tra, tôi phải nói rằng ông có bộ óc xem chừng còn ranh ma hơn cả tôi đấy, và tôi rất khích lệ ông viết những ý tưởng phi thường ấy ra giấy càng nhanh càng tốt.

“Nhưng quay lại chủ đề đang bàn, tôi phải chỉ ra một sai sót trong lập luận của ông. Cứ cho rằng Donald đã tạo ra tình huống để đổ tội cho tôi đi, tôi vẫn phải nói thật kế hoạch của cậu ta không hỉệu quả cho lắm. Suy cho cùng, vị thế của tôi ở thời điểm đó là gì chứ? Tôi giết một người, nhưng đây là tự vệ chính đáng. Chính ông cũng thừa nhận tôi khó lòng hành động khác trong hoàn cảnh ấy. Trong trường hợp tệ nhất, tôi phải đối mặt với vài tháng trong tù, nhưng thế cũng chẳng ảnh hưởng gì nhiều đến sự nghiệp viết trinh thám của tôi. Cho nên tôi phải kết luận rằng ý tưởng của ông về một kế hoạch thâm hiểm do Donald vạch ra nhằm đẩy tôi tới giá treo cổ là không vững vàng.”

Hurst nhìn Twist vẻ thất vọng, nhưng vị tiến sĩ, mắt nhắm, dường như chìm trong một giấc ngủ nhẹ nhàng, trái ngược với những làn khói vẫn đều đặn tỏa ra từ tẩu thuốc của ông.

“Như tôi đã nói với ông, ông Gordon, đó chỉ là những suy nghĩ ban đầu của tôi. Cũng có thể chuỗi các sự kiện của ông không thật sự chính xác, và ông thấy xác Peter Moore trong tình cảnh còn dễ bị đổ tội hơn so với mức ông đã khiến chúng tôi tin - dĩ nhiên đây là kết quả do Ransome dựng lên rồi. Cho nên ông bịa ra câu chuyện về việc giết tên trộm để tự vệ chính đáng bằng cách thay đổi một hai chi tiết nhỏ đâu đó, làm cho câu chuyện của mình có giá trị.”

Ông Gordon cười vẻ rầu rí.

“Cho tôi được nhắc ông, thưa ông thanh tra, rằng tôi gọi cho cảnh sát ngay khi sự việc xảy ra. Làm sao tôi có thể sắp đặt tất cả các điều kiện cho một câu chuyện như vậy chỉ trong vài giây? Tôi biết tôi được xem là một bậc thầy về ngụy tạo, nhưng cho dù như vậy…”

“Phải, tôi đồng ý là không thể làm được,” Tiến sĩ Twist ngát lời, mở bừng mắt. “Tôi muốn ông nói về Peter Moore, ông Gordon. Anh ta là ai? Anh ta hành xử như thế nào trong mấy ngày vừa qua, lý do anh ta nghỉ việc, và bất kỳ điều gì khác có thể liên hệ đến tình hình hiện nay?”

Gương mặt nhà viết kịch thoáng chút do dự, ông ta suy nghĩ rất lâu lồi mới trả lời.

“Giờ tôi nhận ra rằng tôi không biết nhiều về Peter Moore, mặc dù anh ta làm việc cho tôi đã hai năm. Tôi tìm được anh ta qua một quảng cáo trên báo. Những lời giới thiệu về anh ta đều rất ổn và anh ta gây được ấn tượng tốt. Tôi chưa bao giờ có lý do để hối tiếc về lựa chọn của mình. Thông minh, lịch thiệp và kín đáo, đôi tay rất khéo léo. Anh ta chưa bao giờ mở lời khi chẳng có gì để nói; thực tế, chúng tôi chỉ mới trao đổi về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến công việc của anh ta. Peter sống ngay trong nhà và hiếm khi ra ngoài. Điều duy nhất tôi biết về cuộc sống riêng cùa anh ta là anh ta còn độc thân. Mỗi tháng một lần, anh ta về nghi cuối tuần với bố mẹ ở Leeds - ít nhất đó là những gì anh ta nói với tôi.

“Thứ Tư tuần trước anh ta bảo tôi bà mẹ bị ốm nặng và xin nghi một tuần. Tôi đồng ý và anh ta lên đường vào buổi sáng hôm nay, khoảng 10 giờ. Hừm, thật kỳ quặc, giờ tôi mới nghĩ đến; bình thường anh ta chỉ mang theo một chiếc túi du lịch nhỏ, nhưng lần này anh ta mang một cái va li to.”

“Về phía tôi,” Hurst đứng dậy nói, “đã đến lúc chúng ta xem xét phòng anh ta.”

Mười phút sau, hai nhà thám tử và ông Gordon quay trở lại ghế của họ, sau khi khám xét phòng Peter Moore. Một cuộc kiểm tra nhanh chóng nhưng lại tiết lộ nhiều điều: vài cuốn tiểu thuyết tinh báo trên chiếc bàn cạnh giường, mấy chiếc áo choàng màu lam, một bộ com-lê cũ cùng một đôi giày trong tủ quần áo.

“Chúng ta chấp nhận đi,” viên thanh tra lầm bầm, kèm theo động tác từ chối nhẹ nhàng khi vị chủ nhà mời một ly whisky đây, “tay thư ký hoàn hảo không hề có ý định ở lại với ông. Rất lạ lùng đấy, ông Gordon, tôi tin chắc ông cũng đồng ý về điểm này. Ông nói với chúng tôi anh ta biết ông chỉ giữ một ít tiền trong két. Tôi biết vài kẻ giết người chỉ vì số tiền ít hơn năm mươi bảng đấy, nhưng cho dù vậy…”

“Đúng vậy.” Ông Gordon lùa một bàn tay to khỏe qua mái tóc rối bời. “Thực tế, thỉnh thoảng tôi có để mấy món tiền lớn trong két. Tôi chỉ không tin được là Peter lại mạo hiểm chấp nhận bị nghi ngờ và đánh mất vị trí của mình vì một khoản tiền chẳng đáng là bao như vậy. Nó đâu có đáng gì. Nhưng giờ…”

“Giờ anh ta đã chết, và ông thay đổi suy nghi cùa mình,” viên thanh tra ngắt lời, có vẻ đang nhìn nhận mọi việc theo hướng khác.

“Vâng, đặc biệt từ khi… chà, sự thật vẫn là sự thật.”

Lại thêm một lúc im lặng nữa. Sau đó hạ sĩ Sewell xuất hiện.

“Có vài người nghe thấy tiếng nổ, thưa sếp, nhưng họ cứ đinh ninh đó là tiếng nổ của xe cộ. Bà cụ già ở số 12 chỉ nghe thấy một tiếng động xa xăm, nhưng cặp vợ chồng ở số 8, vì phải mất đến nửa tiếng tìm cách ru con ngủ, thì có để ý. Họ bảo đảm lúc đó khoảng 11 giờ, xê dịch một vài phút.”

Hurst cử một sĩ quan cấp dưới đến kiểm tra phòng Peter Moore thật kỹ càng, rồi quay sang nhà viết kịch và nói khẽ nhưng kiên quyết, “Ông Gordon, tôi có ấn tượng rất rõ rằng ông chưa nói với chúng tôi toàn bộ câu chuyện về tay thư ký.”

“Thật sao!”

Sắc thái ngạc nhiên bật ra rất thành thục, nhưng trước đó vẫn có một thoáng ngập ngừng, và không thể qua mắt hai nhà thám tử.

“Tôi nghĩ thế,” Hurst tiếp tục, “và tôi cũng tin ông sẽ không nói thêm gì vào lúc này. Tôi chỉ muốn nhắc rằng chúng tôi cũng có những bí mật nho nhỏ của mình đây,” ông nói thêm, ngoắc ngoắc ngón tay trỏ.

Twist ho khẽ, xen vào, “Chúng ta cùng thảo luận nhé. Tay thư ký của ông quyết định bỏ việc và kiếm một ít tiền của ông như lời tạm biệt. Không có lý do gì để quả quyết anh ta chỉ lấy đi có thế. Một số mẫu trong bộ sưu tập vũ khí của ông chắc chán rất đáng tiền.”

Ông Gordon gật đầu và Hurst cũng vậy, thầm tự trách mình vì đã không nghĩ đến điều này trước.

Nhà tội phạm học tiếp tục, “Vấn đề là tại sao anh ta lại tìm đến chúng tôi vào chiều thứ Sáu để kể câu chuyện kỳ lạ như vậy? Anh ta là một tên trộm và một kẻ dối trá, đồng ý, nhưng tôi không tin anh ta điên. Vậy thì tại sao? Tại sao, ông Gordon? Chắc hẳn ông có phán đoán gì đó chứ, dù chỉ mới lờ mờ.”

Nhà viết kịch mím môi và cau mày trầm tư trong lúc ngắm nghía chiếc nhẫn dấu khắc tên mình lấp loáng trên ngón tay, dường như bị giằng xé giữa nhiều cảm xúc. Ông ta chậm rãi trả lời, “Không, thật sự, tôi chẳng thể giúp các ông.”

Viên thanh tra vừa định lên tiếng thì Twist chặn lời ông bằng một cử chỉ kín đáo và nhắc lại câu hỏi, “Ông Gordon, ông có nói rằng tối nay Ransome đưa con gái ông đến dự một buổi khiêu vũ hóa trang. Có xa đây không nhỉ?”

Nhà viết kịch trả lời, môi thoáng nét cười. “Vậy là các ông vẫn đang nghĩ đến một âm mưu đen tối nào đó của bạn tôi?”

“Càng ngày càng bớt đi. Nhưng nếu anh Ransome có thể nói cho chúng tôi biết anh ta ở đâu lúc 11 giờ, thì chúng tôi sẽ loại trừ được giả thuyết đó.”

“Cả buổi tối họ ở chỗ Guy Williams. Ông ấy là một nhà sản xuất và sống ở mé bên kia thành phố.”

“Tôi hỏi để biết chắc xem liệu lát nữa họ có quay về sớm không.”

Ông Gordon liếc nhìn đồng hồ.

“Trong vòng một tiếng nữa là họ có mặt ở đây thôi. Donald nói cậu ấy sẽ về lúc 2 giờ.”

“Biết đâu lời khai của họ rất hữu ích,” tiến sĩ Twist nói tiếp. “Chẳng hạn như con gái ông có thể tiết lộ một vài điều về tính cách anh chàng thư ký. Trong lúc chúng ta chờ đợi, ông Gordon, tôi có thể xem nhanh bộ sưu tập vũ khí của ông - với tư cách một kẻ nghiệp dư thôi, được không?”

Suốt mười lăm phút tiếp theo, cuộc trò chuyện tập trung vào lĩnh vực đạn đạo, một chủ đề mà tiến sĩ Twist không hề nghiệp dư tí nào. Về sau, cuộc trò chuyện chuyển sang các vụ án lừng danh, mà một vài nhân vật chính trong đó đã được lưu danh muôn thuở bằng sáp hoặc thạch cao ở bốn gốc phòng. Hai nhà thám tử không thể không quan sát qua mô hình bác sĩ dịch hạch đã được nhắc đến trong câu chuyện của Peter Moore, nó được đặt trong một hốc tường gần cái két. Nhưng một lần nữa Twist lại ngăn không cho bạn mình có ý kiến gì.

“Tôi có thể hiểu rằng đích thân ông tạo ra một số bức tượng này phải không, ông Gordon?” Twist hỏi, dừng lại trước bức tượng bác sĩ Crippen.

“Vâng, đó là một sở thích của tôi. Nó giúp tôi thư giãn và thoát khỏi vòng lặp hằng ngày mà vẫn hợp với các đề tài tôi ưa chuộng. Nó mang lại nhiều cảm hứng cho tôi hơn là ngồi trước máy đánh chữ. Tiện thể, một phần tầng hầm ờ đây đã được thiết kế như nhà xưởng.”

“Hẳn là rất thú vị.”

“Các ông muốn đến xem không?”

“Thế thì tốt quá.”

Hurst, dù đang khá bực bội sau lưng hai kẻ đầy nhiệt tình kia, cũng cùng đi xuống hầm. Ông biết rõ bạn mình để hiểu rằng khi tìm được ai đó cũng đam mê nghiên cứu tội phạm học thì chẳng thể ngăn Twist lại được, ông sẽ đắm mình trong cuộc trò chuyện đến mức gạt bỏ hết mọi thứ khác. Ông có thể không tập trung chú ý vào những vấn đề cấp thiết của vụ việc hiện tại.

Ngay khi ông Gordon mở cửa gian xưởng, tiến sĩ Twist lập tức thấy lại những năm tháng thanh xuân của mình. Ông ngây ngất nhìn quanh như một đứa trẻ đã rất lâu không được tới cửa hàng đồ chơi.

Cụm từ ‘cửa hàng đồ chơi’ không chỉ là một ẩn dụ: có đủ loại búp bê, con rối, mặt nạ và hình nộm chất đầy trên các giá quanh bốn bức tường. Ấn tượng đầu tiên là về một cuộc vui của trẻ con, giống như cuộc họp mặt của những kẻ vui nhộn đang đăm đăm nhìn hay thì thầm vào tai người bên cạnh. Đám mặt nạ cũng không mang vẻ nanh ác như những thứ trên tầng. Dường như sâu trong tâm hồn ông Gordon vẫn là một đứa trẻ nhưng lạỉ không muốn khách khứa đến văn phòng mình biết điều đó, cho nên ông ta cất bất cứ kho báu nào có vẻ không ‘mang tính nghề nghiệp’ của mình xuống tầng hầm.

Nhưng càng nhìn gần người ta càng thấy băn khoăn, vì những cái đầu được tạo hình thô mộc với đường nét lờ mờ còn phần thân bị tháo rời lại tạo ấn tượng chúng sẵn sàng nhảy bổ lên bất kỳ lúc nào. Có gì đó thật sự không an tâm trong cái thế giới gồm toàn những khuôn mặt sơn vẽ tươi vui và những nụ cười đông cứng này.

Gian hầm được chia thành hai phần, bên phải dành cho các dụng cụ làm mộc, hàn nguội, sơn vẽ và thậm chí chế tác đồng hồ. Chắc chẳn chính gian phòng bên trái, với tất cả những sáng tậo của ông Gordon, mới thu hút sự chú ý của Twist. Sau khi xem qua vài con rối mặc quần áo sặc sỡ, ông quay sang vị chủ nhà. “Tuyệt vời, ông Gordon, quá tuyệt vời. Từ tất cả những gì tôỉ thấy ở đây, hẳn ông phải bỏ ra không ít thời gian…”

“Vâng, đúng là vậy,” nhà viết kịch xác nhận, hài lòng và hãnh diện thấy rõ nhờ vẻ quan tâm từ nhà tội phạm học. “Thật may, Donald thỉnh thoảng cũng giúp tôi một tay. Tôi chẳng cần ép buộc, mà là cậu ấy cũng ham thích những thứ này như tôi.”

“Khá dễ hiểu với một con người của kịch nghệ. Mặt nạ và đạo cụ là một phần vũ trụ cùa anh ta mà.”

“Tôi đoán chắc anh ta cũng rất thành thạo hóa trang,” Hurst nhận xét, lơ đễnh nhấc chân của một con rối lên.

“Chà, đương nhiên rồi, tôi phải thừa nhận vậy. Nhưng tôi đâu có ngu, ông thanh tra, tôi có thể hiểu ông ám chỉ đến lời thách thức đặc biệt khi bạn tôi diễn rất thành công các vai người chăn cừu Scotland, một người tình cả ghen và rồi một cảnh sát. Điều mà các ông vẫn tiếp tục nghi vấn, có phải thế chăng?”

“Không đâu, ông Gordon, tôi không nghĩ đến chuyện đó. Tôi đang nghĩ đến chuyện khác kia. ỐI!”

Hurst đột nhiên nhảy bật lại vài bước, một ngón tay run bắn trỏ con rốì ông vừa chạm vào.

“Ông thanh tra, chuyện gì thế?”

“Nó cử động. Tôi bảo đảm như vậy.”

Ông Gordon cố nén nụ cười. “Cho phép tôi giới thiệu Margot, với tài năng đặc biệt là có thể hạ cánh tay xuống và ngẩng đầu lên khi có người nhấc mũ của nàng, chắc là hành động vừa rồi đấy.”

“Nhờ hệ thống bánh răng à?” Twist hỏi, vẻ thích thú thấy rõ.

“Không, chẳng có gỉ phức tạp cả. Đó là một kỹ thuật phát minh từ thời Ai Cập cổ đại và được sử đụng, cùng nhiều phương tiện khác, đế bít lối vào các kim tự tháp. Khi phá phần đế của một ống dẫn, nó nhả cát ra và dần dần tạo không gian để cho các khối đá granite sập xuống, bít kín ngôi mộ. Margot sử dụng đúng nguyên lý đó: khi mũ của nó được nâng lên, tức là giải phóng một lượng cát nhỏ, cho phép một quả cân rơi xuống, quả cân đó nối với hai tay và đầu bẳng một đòn bẩy đơn giản…”

“Vâng, đơn giản như trò trẻ con.” Hurst lầm bầm, cẩn thận xem xét Margot.

“Vì sự quan tâm thấy rõ của ông, ông thanh tra, tôi sẽ cho ông xem một thứ còn kỳ diệu hơn nhiều: một người máy có thể đánh thắng cờ bất kỳ ai.”

Ông Gordon đi về phía một góc phòng, dịch chuyển vài ma-nơ-canh trông như mấy con bù nhìn lạc chỗ, và hãnh diện chỉ vào một cái tủ lớn có hai cánh cửa. Ngồi trên đó là một người Ấn Độ bằng kích thước người thật trầm ngâm bên một bàn cờ.

“Xin đừng nói với tôi đó chính là nguyên bản kỳ thủ của Maekel nhé!” Twist kêu lên, đầy vẻ ngưỡng mộ.

“Maelzel? Chưa bao giờ nghe đến,” Hurst làu bàu, đứng cách vài thước và nhìn cái tủ đầy vẻ ngờ vực.

“Không, dĩ nhiên là không rồi,” ông Gordon trả lời. “Chỉ là một bản phục dựng thôi. Bản gốc, như ông biết rõ, bị thiêu cháy ở Philadelphia. Nhưng, ông thanh tra, hãy lại gần hơn và mở hai cánh cửa ra. Ông không thể biết điều gì đang chờ đợi bên trong đầu.”

Hurst làm theo, với đôi chút lo lắng. Ông thận trọng mở cừa, như thể lo ngại một sinh vật độc ác sắp nhảy ra, sau đó trân trân nhìn cỗ máy phúc tạp. An tâm với một thứ chỉ là máy móc, ông khoác lác, “Tôi sẽ treo cổ tự sát nếu đống sắt vụn này có thể đánh thắng tôi.”

“Ngay lúc này, nó không thể hoạt động vì đang bị thiếu một thứ quan trọng,” ông Gordon nói. “Nhưng nếu nó hoạt động, tôi khuyên ông không nên đánh cược như vậy, trừ phi ông muốn kết thúc bằng việc lủng lẳng trên chiếc thòng lọng. Nó đã đánh bại Nữ hoàng Áo và cả Napoleon rồi đấy. Lời giải thích rất đơn giản: có một người nấp bên trong.”

“Cái gì? Bên trong đấy à? Một người bình thường làm sao vừa được.” Ông nhìn lại bản thân như thể đang tự ướm thử mình vào chiếc tủ.

“Hừm. Rõ ràng so với anh thì hơi khó,” Twist trả lời. “Thực tế, đó là một sĩ quan người Ba Lan bị cụt hai chân và rất giỏi chơi cờ. Trước mỗi ván đấu, cửa tủ được mở ra từng bên một, cho phép anh chàng đó ẩn sau cánh cửa vừa đóng. Khi cả hai cánh của đều đóng lại, anh ta chui vào hình người Ấn Độ rỗng ruột. Anh ta có thể quan sát ván cờ từ một cái khe nhỏ ở bộ râu và đặt tay vào bên trong người máy để di chuyển quân cờ.”

“Vâng, chỉ đơn giản vậy thôi!” ông Gordon nói, bật cười và nhìn viên thanh tra. “Anh ta lách vào phần thăn rỗng. Anh ta nấp bên trong người máy và…” Ông dừng lại khi nghe thấy tiếng động cơ xe hơi và tiếng đống cửa. “Tôi nghĩ con gái tôi và Donald vừa quay về.”

15

Chứng cứ ngoại phạm

N

ét vui vẻ và hạnh phúc trên mặt Sheila và người tình của cô biến mất ngay khi biết tin dữ. Họ tái mét khi nghe kể lại cụ thể tình huống cái chết của Peter Moore.

“Anh nghĩ sao về toàn bộ chuyện này, anh Ransome?” Hurst hỏi.

“Tôi nghĩ gì về chuyện này à?” tay diễn viên nhắc lại, người cứng đơ trong bộ trang phục dạ tiệc hoàn hảo không chê vào đâu được. “Ông muốn tôi nói gì đây? Đó là một tai nạn, một vụ tai nạn khủng khiếp.”

“Dĩ nhiên rồi,” viên thanh tra nói với nụ cười thỏa mãn không thoát khỏi sự chú ý của Ransome.

Hurst quay sang cô con gái của ông Gordon.

“Cô Forrest, lát nữa chúng tôi muốn hỏi cô vài câu về anh Moore. Còn bây giờ, chúng tôi cần trao đổi với người yêu cô và ông Gordon về một số việc có lẽ không liên quan đến cô.”

Cô gái trẻ nhìn cha dượng vẻ kỳ lạ, ông ta mỉm cười dịu dàng với cô:

“Con vui lòng đế chúng ta ngồi lại vài phút chứ, con yêu, và đợi các quý ông đây ở thư viện nhé?”

Sheila thầm thể hiện sự đồng ý bằng cách đứng lên và đi ra, sau đó Hurst kể câu chuyện lời thách thức, như đã được Peter Moore thuật lại, với sự chính xác tuyệt đối, chỉ bỏ lơ một chi tiết nhỏ.

Ransome lắng nghe viên thanh tra với vẻ chăm chú và không hề ngắt lời. Rất lạ lùng, câu chuyện xem ra có tác dụng củng cố sự tự tin thường lệ cũng như phong thái thoải mái xấc xược của anh ta. Mắt Ransome ánh lên thích thú khi viên cảnh sát kết thúc phần kể.

“Tôi bắt đầu hiểu vài việc,” anh ta châm chọc. “Trước hết là sự có mặt của các ông ở Green Man buổi tối hôm kỉa. Thật khó tin. Các ông không định nói với tôi các ông tiếp nhận câu chuyện một cách nghiêm túc đấy chứ? Hãy nhìn chúng tôi xem. Trông chúng tôi có giống những kẻ thù đáng sợ của các ông không?”

Hurst đáp lại, “Ba mươi sáu tiếng trước, một người đến chỗ chúng tôi kể rằng một trong hai ông sẽ gây án. Giờ người đó chết. Nói rất thành thực, anh Ransome, anh sẽ nghĩ gì nếu ở vị trí của chúng tôi?”

Tay diễn viên ngả ngườỉ trên ghế và bắt chéo chân. “Tôi hiểu mà. Theo ông, số phận chọn tôi cho những điều cao cả hơn. Cứ cho rằng nhận định đó đúng đi thì, thưa ông thanh tra, tôi sẽ để lại sau lưng thật nhiều manh mối nhằm vào Gordon - cho anh ấy bị buộc tội sát nhân - chứ không phải thực hiện một tội ác nhắm vào kẻ xa lạ vô danh trong quá trình đột nhập một căn hộ.”

“Tin tôi đỉ, anh Ransome, chúng tôi đều đã tự hỏi mình nhiều câu hỏi, kể cả câu hỏi đó, và chúng tôi đã đạt được một chút tiến triển trong cuộc điều tra. Và cũng xin nhớ cho rằng chúng tôi có lý do chính đáng để tin những gì anh Moore kể là một chuyện bịa đặt và anh chẳng có liên can gì đến cái chết của anh ta. Nhưng chúng tôi cần loại bỏ những nghi vấn còn lại về vai trò của anh. Vì thế, hãy cho chúng tôi biết anh ở đâu lúc 11 giờ.”

Vẫn nhìn thẳng vào Hurst, tay diễn viên nghĩ một lúc lồi trả lời, “Tôi nghĩ anh Gordon đã nói vớỉ các ông, Sheila và tôi ở đâu: nhà Guy Williams trên phố Fenchurch.”

“Trong một buối khiêu vũ hóa trang, phải không nhỉ?” Hurst nói bằng giọng gợi ý thấy rõ.

Donald Ransome bật cười khùng khục.

“Đúng vậy. Một buổi khiêu vũ hóa trang. Nhưng tôi làm ông thất vọng mất, ông thanh tra, bởi vì thứ tôi dùng để hóa toang, cũng như Sheila, chỉ là một dải satin đen nhỏ chẳng đánh lừa được ai. Nói cách khác, ngoài người yêu tôi ra, tôi có thể mời cả tá những người đáng tin cậy; sẵn sàng khẳng định họ đã thấy tôi trong suốt buổi tối từ 9 giờ kém 15 phút đến tận 1 giờ rưỡi sáng. Không chỉ có thế, tôi còn thường xuyên có mặt ở quầy rượu, dưới sự giám sát của một người có lẽ ông biết, ông Bill Masters, trung sĩ điều tra của Sở Cảnh sát Luân Đôn.”

Hurst gật đầu. “Tóm lại, anh có thể kể lại từng phút hoạt động được chứ?”

“Đương nhiên không thể từng phút. Thêm nữa, có chuyện hơi kỳ quặc…”

Ransome cười nhăn nhở.

“Tôi muốn kể với ông ngay lập tức, bởi vì nếu nghe từ người khác ông sẽ lại nảy ra vài ý tưởng. Khoảng 11 giờ, hay có lẽ trước một chút, một người đến chỗ tôi, bảo rằng tôi có điện thoại. Tôi đi ra sảnh và - ông sẽ phì cười, nhưng nhiều cô hâm mộ tôi thuộc loại rất bạo dạn - một cô tên Jill hay Jenny gì đó ở đầu dây bên kia đòi gặp tôi bằng được để xin chữ ký. Không hiểu sao cô ấy biết tôi có mặt ở bữa tiệc của Guy, tình cờ bấy giờ cô ấy lại ở nhà một người bạn, ngôi nhà ấy lại tình cờ ở gần nhà Guy, nên hỏi liệu cô ấy có thể ghé qua được không? Cô ấy nói chỉ hai phút nữa sẽ có mặt ở cửa trước và nài nỉ tôi ra gặp.”

Anh ta châm một điếu thuốc và nhún vai vẻ thờ ơ.

“Ông biết đấy, trong nghề của chúng tôi, xem thường công chúng không phải là chuyện hay ho gì, cho nên tôi ra ngoài và viết vội mấy dòng lên mảnh giấy của cô ấy và quay vào. Xin đừng bắt tôi mô tả nhân dạng chi tiết. Đó là một người ngăm đen không có điểm gì đặc biệt ấn tượng cả và mặc chiếc áo choàng sáng màu. Tôi chỉ kể được đến thế thôi.”

“Tất cả mất bao lâu?”

“Kể cả cuộc điện thoại, khoảng mười phút Dù thế nào thì Bill Masters, Sheila và rất nhiều người khác cũng có thể làm chứng tôi không hề đi vắng quá mười lăm phút.”

Hurst rút sổ ghi chép ra, hí hoáy viết rồi nói, “Như vậy sự việc diễn ra từ 11 giờ kém 5 phút đến 11 giờ 5 phút.”

“Loanh quanh khoảng ấy. Tôi đâu có nhìn đồng hồ. Bây giờ nếu có thể, tôi xin hỏi ông một câu, thưa thanh tra. Mất bao lâu để đi từ đây đến phố Fenchurch bằng xe hơi?”

“Để xem nào… vào giờ này buổi tối và với lái xe có kinh nghiệm, theo tôi khoảng mười lăm phút.”

“Như thế là rất gấp gáp, nhưng chúng ta cứ nói rằng nửa tiếng đi và quay về. Cộng thêm thời gian thực hiện hành vi ném đá giấu tay mà các ông nghi ngờ cho tôi. Tôi xin để ông làm phép tính.”

“Rất tốt,” Hurst đáp, gõ gõ cuốn sổ bằng đầu bút chì. “Nếu tất cả mọi người xác nhận câu chuyện của anh, thì chẳng có gi phải sợ cả. Quay trở lại câu chuyện của Peter Moore, ông Gordon: theo ông, đây toàn là những lời nói dối từ đầu tới cuối.”

“Đúng, mà cũng không hẳn. Donald có đến gặp tôi vào chiều thứ Tư. Các chi tiết về đời tư của vợ chồng tôi là chính xác, và quả tình là tôi có đánh mất một viên bi sau thảm kịch của vợ tôi.”

“Nói cách khác, anh ta dựng lên câu chuyện từ các dữ kiện có thật?”

“Đúng. Và chẳng có gì lạ, Peter ở vị thế biết được hết mọi chi tiết.”

Vị thám tử nhẹ nhàng tiếp tục, “Liên quan đến những chi tiết ấy, thưa các quý ông, có một điều trong câu chuyện của anh Moore mà tôi chưa đề cập. Nó có thể chẳng là gì, nhưng tôi muốn nghe ý kiến của các ông.”

Nói xong, Archibald Hurst nhấc thân hình ngót chín mươi cân của mình khỏi ghế, đường bệ đi ngang qua phòng, nhặt một vật trong hốc tường và quay trở lại, giấu vật đó sau lưng. Bằng một động tác đột ngột, ông đặt con búp bê bác sĩ dịch hạch lên bàn.

Cả phòng im lặng, ông Gordon và Donald Ransome bất động như chính con búp bê mũi dài kia.

“Chỉ hơn hai mươi tư giờ trước, thưa các quý ông, chúng ta đã nói về mặt nạ và tôi có nhắc đến một vụ án hình sự trong đó hai kẻ sát nhân mặc trang phục giống như người bạn nhỏ của chúng ta ở đây. Một nhân vật tương tự xuất hiện trong câu chuyện của Peter Moore vào đúng thời điểm ông Gordon giải thích những quy tắc của cuộc đọ sức trác việt, ông nói với anh Ransome về ‘mối dây gắn kết chúng ta: diễn xuất và biên kịch, cụ thể hơn, trong trường hợp này, là trò chơi và án mạng ông còn nhớ chứ? Rất tốt. Nhưng điều tôi chưa hề đả động là, trong lúc nói những lời ấy, ông Gordon đã nhặt con búp bê nhỏ bé đây lên và đưa mắt nhìn anh Ransome, như thể mấy từ trò chơi và án mạng có liên hệ trực tiếp đến vị đại diện của ngành y khoa này vậy.”

Tay diễn viên và nhà viết kịch cứng đờ người như thể được đẽo từ đá, nhưng có gì đó trong mắt họ đã tiết lộ một cảm xúc mãnh liệt.

“Thưa các quý ông, các ông nói rằng câu chuyện của Peter Moore dựa trên một số điểm không phải là hư cấu. Vậy thì đây là câu hỏi của tôi: ý nghĩa của hoạt cảnh đó là gì? Nói cách khác, Peter Moore đang ám chỉ đến cái gì?”

Donald Ransome toan mở miệng, nhưng ông Gordon Miller đã ngắt lời anh ta, “Tôi có chút khó chịu khi nghe ông nói đấy, ông thanh tra. Làm sao ông có thể gán chuyện quan trọng như vậy với một chi tiết vớ vẩn đến thế, đặc biệt khi chính ông thừa nhận rằng gã thư ký của tôi đã bịa ra phần lớn câu chuyện? Nhưng để trả lời câu hỏi của ông, hoạt cảnh đó không có ý nghĩa gì hết. Cậu thì sao, Donald?”

“Không, tôi còn không nhớ nữa.”

“Còn có một cách giải thích rất đơn giản,” ông Gordon nói tiếp. “Peter Moore chắc chắn đã nghĩ ra chi tiết đố để thêm mắm dặm muối câu chuyện của gã và nhấn mạnh đến tính chất đáng ngại của nó. Gã thừa sức bảo tôi đã nhặt cái đầu của Landru, hay của Crippen lên.”

“Đúng là như vậy,” Hurst trả lời, gật gật đầu. “Giờ, tôi sẽ nói với các ông về vụ án tôi vừa nhắc đến, nó xảy ra chỉ vài tháng trước.”

Viên thanh tra kể lại vụ án mạng kỳ quặc xảy ra vào đêm 31 tháng Tám. Đến cuối cùng ông mới hé lộ nhân dạng của nạn nhân.

“Người đàn ông bị giết bằng hai nhát đâm của một con dao ấy có tên David Cohen. Một cái tên, tôi xin cam đoan, không hề xa lạ với các ông. Chí ít không hề xa lạ với cô Sheila, bởi vì chúng tôi biết cô ấy là vợ chưa cưới của anh ta.”

16

Quý cô Sheila

S

ự im lặng nặng nề bao trùm căn phòng. Rõ ràng, cú đánh của Hurst đã công hiệu.

“Một câu chuyện thật hay!” Ông Gordon thốt lên, nhấc lấy chai whisky và rót đầy ly của mọi nguời. “Thật sự, thưa ông thanh tra, ông vừa thể hiện trí tưởng tượng chỉ trong một đêm vượt xa tôi trong cả sự nghiệp của mình.”

“Cái ‘câu chuyện’ như ông gọi, ông Gordon, là ‘sự thật’.”

“Thôi nào! Người ta biến mất như phép màu và sau đó xuất hiện trở tại một cách kỳ diệu không kém. Hẳn là một trò đùa! Ngay cả những cây viết trinh thám giàu sức tưởng tượng nhất cũng chưa bao giờ dám viết ra giấy tình tiết kỳ cục như thế. Thừa nhận đi, ông đang trêu đùa chúng tôi rồi!”

“Như vậy ý ông là ông không hề biết David Cohen phải không?” Hurst hỏi, đôi mát nhíu lại vẻ đáng ngại.

“Xin đừng gán lời vào miệng tôi. Dĩ nhiên chúng tôi biết anh ta, mặc dù phải nhấn mạnh rằng: anh ta chỉ đến đây một hay hai lần thôi. Chúng tôi đã biết về vụ án này trên báo. Giờ tôi mới nhớ lại, anh ta được tìm thấy trong một thùng rác với một vết thương ở bụng.”

“Hai nhát dao đâm, chính xác là vậy,” Hurst xác nhận. “Và báo chí chỉ cung cấp những chi tiết qua loa bởi chúng tôi không cho phép họ in thêm. Còn bây giờ, thưa các quý ông, tôi muốn có lời giải thích cho hành vi kỳ lạ của các ông.”

“Hành vi kỳ lạ nào chứ?” Gordon Miller la lối. “Ông không định buộc chúng tôi tội giết người, chỉ vì có mấy kẻ đê tiện giả trang như… như con búp bê này đấy chứ?”

“Tôi đang hỏi, tại sao khi biết về vụ án mạng của David Cohen, ông lại không đến gặp cảnh sát? Anh ta là bạn trai của con gái ông kia mà!”

Gương mặt hồng hào tự nhiên của viên thanh tra đã chuyên sang sắc tía và giọng ông cất lên đầy hăm dọa.

“Việc ra mặt khiến cô ấy, hay ông, hoặc ít nhất một ai đó trong nhà này cảm thấy không thoải mái sao?”

Ông Gordon nói, nhắm mắt lại như thể đang kìm cơn giận, “Ông thanh tra, tôi mong ông thông cảm cho. Xin hãy tin rằng tôi chưa bao giờ tán thành mối quan hệ này của con gái tôi. Tôi chẳng hề thù ghét các nhạc công nói chung, nhưng đám cú đêm chuyên biểu diễn ở những cơ sở hạng ba thì chưa bao giờ khiến tôi thấy tin tưởng cả. Ngay từ đầu tôi đã không ưa gã. Trông gã như một tên lưu manh và gốc gác không rõ ràng. Nói thẳng, tôi xem gã là một kẻ đào mỏ. Rất tiếc, Sheila lại có vẻ mến gã. Nhưng tôi luôn khoan dung với con bé trong quá trình nó khôn lớn, vì sợ rằng nếu tôi áp đặt luật lệ quá nghiêm khắc thì nó sẽ nổi loạn. Cho nên, tôi duy trì ứng xử kiên nhẫn, chưa bao giờ trách cứ con bé vì mối quan hệ của nó và cắn răng chịu đựng trong vàỉ lần hiếm hoi con bé đưa gã về đây. Tôi cảm thấy chắc chắn, con bé sớm muộn rồi cũng nhận ra sai lầm của mình, nhưng chẳng ai biết được mọi việc sẽ kết thúc thế nào.

“Tôi phải thừa nhận mình đã thở phào khi biết tin gã chết. Cái chương ấy trong cuộc đời con gái tôi, mặc dù kết cục của nó có thể bi thảm, giờ đã khép lại và tôi không còn muốn nhắc nhỏm đến gã đó nữa. Các tình tiết về cái chết của gã không phải mối quan tâm của tôi, vì tôi khá chắc chắn đó là sự sắp đặt của lũ trộm cắp. Ngoài ra, tôi không có ý định để tên tuổi mình dính dáng đến vụ việc bẩn thỉu ấy. Sheila hiểu rất rõ tình hình, tôi không phải nói gì nhiều. Bất luận thế nào, tôi tin thái độ của con bé đối với gã đã bắt đâu thay đổi rồi.”

Hurst trầm ngâm nhìn ông Gordon một lúc, sau đó đưa mắt sang Donald Ransome, người dường như vừa phát hiện ra mũ, giày của mình khá thú vị.

“Rất tốt, các quý ông,” viên thanh tra tuyên bố và chuẩn bị đứng lên ra về. “Chúng tôi cần hỏi cô Forrest vài câu trước khi đi. Chúng ta sẽ có cơ hội tiếp tục câu chuyện này vào một ngày sắp tới.”

Sheila Forrest không thể cung cấp thêm thông tin nào về Peter Moore. Cô chẳng biết gì về đời tư của anh ta. Anh luôn cư xử đúng mục với cô và cô không nhớ anh tâm sự bất kỳ chuyện gì ngoài phạm vi công việc của mình.

Thư viện là một căn phòng rất dài với những giá sách từ sàn tới tận trần ốp khắp các bức tường. Những đồ đạc rải rác gồm một chiếc bàn nhỏ, một chiếc đèn sàn và hai chiếc ghế bành. Cô con gái riêng của vợ ông Gordon ngồi thu lu trên một trong hai chiếc ghế đó. Mặc chiếc váy dạ hội vải kim tuyến màu bạc, cô khớp với mô tả của Peter Moore. Mái tóc đen, mượt mà buông xuống hai vai càng làm nổi bật vẻ xanh xao trên gương mặt có những đường nét thanh tú và đôi môi đỏ như hoa lựu. Phần eo thon thả của cô gợi nhớ các cô người mẫu đại diện cho thời trang nước Pháp. Có gì đó bối rối ở ánh nhìn xa xăm, trống lỏng trong đôi mắt to đen, lấp loáng kỳ lạ của cô.

Im lặng. Hai nhà thám tử nhìn cô châm điếu thuốc thứ hai. Tiến sĩ Twist nhận ra bàn tay cô run run. Suốt từ đầu ông là người duy nhất đặt câu hỏi cho cô gái trẻ, nhưng bây giờ đến lượt Hurst. Viên thanh tra đề nghị cô thuật lại buổi tối với Ransome. Sheila khẳng định những gì người tình cô đã nói. Anh ta ít khi rời khỏi tầm mất của cô ngoại trừ quãng 11 giờ. Trong bao lâu? Hai mươi phút hay nửa tiếng thì cô không thể nhớ chính xác. Viên thanh tra muốn làm rõ chi tiết này nhưng Twist đã đối chủ đề.

“Thời niên thiếu của cô ở Hoa Kỳ, cô không nhớ nơi dó sao?”

“Cuộc sống ở đây rất khác. Nhưng tôi không phải người hoài cổ.”

“Ồ, tôi cứ nghĩ…” Twist cau mày. “Có phải mấy năm trước cô quay lại đó không nhi?”

Một nét u ám thoáng hiện lên mặt Sheila và cô phải mất một lúc mới trả lời được.

“Vâng, để học hành. Tôi chỉ định ở một năm, nhưng mẹ tôi mất. Tôi muốn đợi một thời gian… trước khi quay về.”

Twist gật đầu thông cảm rồi tiếp tục. “Thật lạ, nhưng tên của cô, hoặc đúng hơn của cha cô, nghe rất quen. Tôi nghĩ là tôi đã gặp ông ấy, nhưng chắc phải hơn haỉ mươi năm rồi. Không, hay tôi nhầm chăng, bởi vì tôi chưa bao giờ đặt chân lên đất Mỹ.”

Hurst ngờ vực nhìn bạn mình, Sheila thì không nhận ra điều gì cả.

“Ông ấy chỉ đến Anh một lần, và đúng lần ấy thì gặp mẹ tôi, ở Bristol.”

“Bristol,” tiến sĩ Twist nhắc lại, mắt lim dim. “Thế thì đúng rồi. Chú tôi sống ở đó và tôi thường đến thăm ông cụ.”

Hurst ngơ ngác. Bạn ông chưa bao giờ kể về một người họ hàng nào như vậy.

“Trí nhớ của tôi thật sự sa sút rồi. Tôi không tài nào nhớ được hoàn cảnh có thể khiến chúng tôi gặp nhau.”

“Đợi một chút,” cô gái nói và đứng lên. “Tôi nghĩ tôi có một bức ảnh của ông ấy.”

Lúc cô trở lại, Hurst ném cho nhà tội phạm học một cái nhìn giễu cợt, nhưng Twist ra dấu cho ông đừng xen vào. Twist cầm lấy bức ảnh Sheila đưa và cảm ơn cô bằng một nụ cười thân thiện. Hurst ngó qua vai bạn mình, nhìn thấy một đôi vợ chồng tay cầm tay, đang dựa vào lan can một chiếc tàu thủy vượt đại dương.

Sheila giải thích, “Đó là cha và mẹ tôi, không lâu sau đám cưới, ngay sau khi họ rời Anh. Nhưng xin đừng kể với cha dượng tôi về bức ảnh này, bởi vì ông đã yêu cầu mẹ hủy tất cả hình ảnh của người chồng cũ. Ông… ông rất hay ghen.”

Twist trấn an cô, nhưng không rời mắt khỏi bức ảnh. Anna Radcliffe trông rất rạng ngời, thân hình mành dẻ của bà xem chừng còn mảnh mai hơn cả con gái mình. Mái tóc dài vàng óng thả bay trong gió, hoàn toàn trẻ trung bên cạnh Roy Forrest bấy giờ đang ở độ trung niên và phát phì. Ông ta thấp người, có gương mặt tàn nhang, tròn, dễ ưa với mái tóc vàng cắt cua.

Twist thú nhận, “Chắc tôi nhầm, tôi không nghĩ tôi từng gặp người này.”

Với tiếng thở dài hậm hực, như để nguyền rùa trí nhớ tệ hại và sự nhầm lẫn do nó gây ra, nhà tội phạm học trao trả bức ảnh cho thiếu nữ và cô lại cất nó vào chỗ cũ.

“Cô đính ước với Donald Ransome chưa lâu nhỉ,” Hurst nhận xét một cách vô tình.

Sheila ngồi xuống chiếc ghế bành, dõi nhìn về cánh cửa ở mé bên kia phòng mà như chẳng nhìn thấy gì. “Vâng, chỉ mới vài tuần.”

“Cô đã quen anh ta một thời gian rồi,” viên thanh tra tiếp tục, vẫn cố gắng tỏ ra không hề có chủ đích.

“Vâng, từ… từ lúc tôi rời Mỹ. Mẹ và tôi gặp anh ấy trong chuyến hải trình, khi tôi mới mười lăm tuổi.”

“Tôi chắc cô sắp kết hôn rồi nhỉ?”

“Vâng, mùa xuân năm sau.”

“Xin chúc mừng cô. Giờ tôi chợt nghĩ ra, tôi có đọc đâu đó rằng Donald Ransome có kế hoạch trở vè Mỹ. Đúng thế không nhỉ?”

“Vâng, Donald đang dự tính thế.”

“Vậy là cô cũng sẽ trở về nơi mình chào đời.”

Sheila im lặng và vẫn bất động. Cô không hề có vẻ bối rối trước những câu hỏi hay muốn mau chóng kết thúc cuộc phỏng vấn. Gương mặt cô vô hồn và đầu óc như đang ở nơi khác, nhưng bàn tay lại mân mê cái móc chiếc túi dạ tiệc của mình vẻ bồn chồn.

Hurst có cảm giác mình như người vừa nói một câu bông đùa rồi chỉ có mình cười cợt. Ông đã đề cập đến chủ đề này mà chẳng hề báo trước, chờ đợi cơ hội thích hợp một cách vô vọng. Cuối cùng ông đành tiếp tục.

“Hai tháng trước, cô hẹn hò với người khác, anh David Cohen, có phải thế không?”

Sheila vụt nhìn ông với vẻ ngạc nhiên lẫn bối rối.

Chẳng đợi lời đáp, viên thanh tra tiếp tục kế qua về cái chết của chàng nhạc công, cấn thận nhấn mạnh đến khía cạnh kỳ lạ và rùng rợn.

“Thật không thẽ tin nổi,” cô lấm bấm sau khi ông kể xong. “Tôi có đọc trên báo rằng anh ấy đã chết. Nhưng ai kể với các ông về chúng tôi chứ?”

“Một người bạn nhạc công của cậu ta,” viên cảnh sát nói dối. “Câu hỏi đầu tiên của tôi là thế này: cậu ta cố kẻ thù nào không? Hay cô có ý tưởng gì về kẻ tạo ra trò lừa tàn ác và kỳ quái này? Tóm lại, cô có bất kỳ thông tin gì may ra có ích cho việc điều tra của chúng tôi không?”

“Không, tôi không có ý tưởng gì cả,” Sheila trả lời, rút ra một điếu thuốc nữa.

“Cứ nghĩ cho kỹ, thưa cô. Ai trong… trong giới của cậu ta có thể phải chịu trách nhiệm cho việc này?”

“Tôi không biết. Thật sự là tôi không biết.”

“Tốt lắm. Giờ đến câu hỏi thứ hai của tôi. Tại sao cô lại không liên hệ với nhà chức trách để tìm hiểu thêm xem chuyện gì đã xảy ra? Xét về mối quan hệ của hai người, tôi thấy điều đó là đương nhiên.”

Sheila cuống cuồng nhìn quanh. Ánh mắt cô bắt gặp tiến sĩ Twist, ông đang quan sát cô, bình thản và hơi buồn. Cô châm điếu thuốc, rít vài hơi rồi trả lời, “Lúc đó, David và tôi không được hòa hợp. Thực tế, tôi vừa định nói với anh ấy tôi sẽ ra đi. Khi nghe tin anh ấy chết…

Cô dừng lại và, lần đầu tiên, các nhà thám từ thấy một tia cảm xúc trong đôi mắt to đen đã bắt đầu ươn ướt, “Tôi rất đau đớn. Chúng tôi không sinh ra để dành cho nhau. Nhưng dù sao, tất cả đã qua rồi. Dó là số phận. Vâng, là vậy: số phận. Tôi nghĩ mình xuất hiện cũng chẳng để làm gì. Tôi không muốn nghĩ về David nữa. Tôi muốn quên anh ấy.”

“Tôi hiểu,” Hurst nói vội. “Thế ông Gordon có chấp nhận cuộc phiêu lưu đó không?”

Ánh nhìn xa xăm trở lại trong mắt người thiếu nữ. “Ông chưa bao giờ nhắc đến nó một cách cụ thể. Ông luôn nói tôi được tự do làm những gì tôi muốn. Mấy lần David đến chơi, ông đón tiếp anh nhiệt tình, trò chuyện với anh như thể anh là bạn cũ, và…”

Lại một lần nữa, giọng cô lạc đi.

“Thế anh Ransome có gây ảnh hường gì đến… mối quan hệ của cô với người yêu cũ không?”

“Các ông muốn biết khi đó anh ấy đã yêu tôi chưa phải không?” Cô mim cưởi rầu ri, “Rồi, từ trước kia, thậm chí trước cả khi tôi gặp David. Nhưng Donald cảm thấy tôi còn quá trẻ, coi tôi là một đứa con nít.”

Viên thanh tra nói với vẻ nhăn nhó bi ẩn, “Nếu tôi hiếu đúng, thì ông ấy không quan tâm đến người yêu cũ của cô?”

“Họ khá hòa thuận. Rõ ràng Donald muốn đi xa hơn quan hệ bạn bè với tôi, nhưng không tính đến chuyện đó thì tôi nghĩ anh ấy thích David. Dù sao đi nữa họ cũng không thường xuyên gặp gỡ.”

Viên thanh tra trầm ngâm một lúc, rồi tiếp tục. “Cô có thể nói gì về David Cohen? Anh ta là tuýp người nào? Bạn bè anh ta là ai?”

“Bạn bè ư? Thật sự David không giao du với ai ngoài mấy người cùng chơi nhạc. Anh ấy hòa thuận với tất cả mọi người, nhưng chỉ ở mức xã giao. Là người cô độc xuất thân từ một gia đình nghèo, anh ấy ít khi đề cập đến bố mẹ, như thể thấy xấu hổ vì họ. Anh ấy có một ông bác trùng tên, đã chết trẻ trong bệnh viện tâm thần. Sự thật là, chúng tôi có rất ít điểm chung, ngoài âm nhạc và…” Sheila không kết thúc được câu nói vì nhận thấy tiến sĩ Twist đang chăm chú nhìn bàn tay cầm điếu thuốc của cô, với vẻ buồn bã, u ám lộ rõ.

17

Bước ngoặt

Chủ nhật

N

gày hôm sau, cuối buổi sáng, tiến sĩ Twist ghé vào gặp thanh tra Briggs tại Sở Cảnh sát Luân Đôn. Ông chào hỏi người đàn ông thấp lùn có gương mặt nhăn nheo, và anh mỉm cười đáp lại mặc dù thiếu ngủ thấy rõ.

“Anh thấy đấy, công việc của chúng tôi ở Sở chẳng bao giờ hết cả. Tôi trực tối qua và giờ lại ở đây, vào một ngày Chủ nhật.”

“Cậu cần nghỉ một chút đi, thanh tra.”

“Nghỉ à? Phải đến cả tỉ năm kể từ lần cuối cùng tôi nghe nói đến cụm từ đó. Nghe này, đêm qua…”

“Một vụ án nữa à?”

“Một vụ mưu sát, nhưng không thành. Xe cứu thương chở nạn nhân, với hình hài biến dạng, lỡ trớn một khúc cua. Mấy người có mặt thoát nạn, chỉ bị vài vết trầy xước, nhưng nạn nhân thì kẹt bên trong. Sự cố đã kết thúc nốt công việc của kẻ thủ ác. Anh ta là một… nhưng mà khỏi cần. Anh có đủ việc phải giải quyết rồi tôi đoán thế?”

‘Liên quan đèn vụ Moore, thanh tra. Tôi muốn hỏi cậu vài câu.”

‘Được thôi, tôi sẽ đèn và gặp anh ở văn phòng của Hurst ngay. Tôi sắp xong việc rồi.”

Twist hắng giọng, có vẻ bối rối.

“Tôi muốn tiến hành bây giờ. Nếu cậu không phiền. Có vài chi tiết nhỏ tôi muốn làm rõ, nhưng tôi e rằng nếu ông bạn Archibald của tôi nghe phong thanh được thì ông ấy lại đi lạc hướng mất. Và vì đến chính tôi cũng chưa chắc nên tôi không muốn chọc tức ông ấy. Cậu biết ông ấy thế nào rồi đấy: một khi đã vào cuộc thì không cách gì kéo ông ấy lại được.”

“Anh không cần phải giải thích với tôi đâu. Vậy mấy chi tiết nhỏ ấy là gì nào?”

Twist giải thích, khiến Briggs kêu lên:

“Thế thôi à? Đó là chuyện anh gọi là nhỏ à? Và anh thậm chí còn không có ý niệm rõ ràng về chi tiết thứ hai.”

Vài phút sau, Twist thấy Archibald Hurst trong văn phòng, vùi đầu vào một bản báo cáo.

“Có gì mới không, bạn của tôi?”

Viên thanh tra đặt đống giấy tờ sang bên và ngả người ra ghế, vẻ mặt trầm ngâm.

“Không nhiều. Tôi đã gọi cho trung sĩ Masters, người phụ trách quầy rượu trong bữa tiệc của Guy Williams. Anh ấy xác nhận lờỉ khai của Donald Ransome, mặc dù nghĩ gã vắng mặt lúc 11 giờ, cũng như cô Forrest, lâu hơn mười lăm phút một chút. Anh ấy đoán từ giữa 11 giờ kém 5 phút đến 11 giờ 20 phút. Ransome có hai muơi lăm phút để đến South Kensington và quay lại, làm cái công việc lừa đảo gì đó mà gã phải làm, và trở lại quán. Với bốn mươi lăm phút thì có thể. Với hai mươi lăm phút thì không. Gã có một bằng chứng ngoại phạm vững vàng. Tôi thậm chí đã kiểm tra tàu đỉện ngầm, chỉ để cho chắc. Tuyến South Kensington đóng cửa vào thời điểm đó. Tôi cũng đã gọi cho các đồng nghiệp ở Leeds. Mẹ của Peter Moore không bị ốm, và bố mẹ anh ta cũng không đón đợi con trai vào kỳ nghỉ cuối tuần. Anh ta không thông báo cho họ như thường làm khi có kế hoạch về thăm.

“Anh ta đã làm gì từ lúc rời nhà ông George Miller cho đến lúc chúng ta thấy anh ta bên cạnh bộ giáp? Chuyện gì xảy ra với mấy cái va-li và túi du lịch của anh ta? Tôi chưa có thông tin nào vào lúc này. Và tôi không nín thở chờ đợi.

“Theo kết quả toàn bộ các cuộc điều tra, chẳng có gì đối lập với lời khai của ông Gordon. Phát đạn chết người đuợc bắn ra từ khẩu Remington và những dấu tay trên đó là của ông ta. Vụ trộm cắp dường như là thật và việc tự vệ trông có vẻ chính đáng. Bất luận thế nào, tôi cũng không lo lắng cho tương lai của con người này. Ông ta bào chữa được cho bản thân và có đủ quan hệ ở vị thế cao để thoát khỏi án phạt. Điểm chủ yếu giúp chúng ta kết tội ông ta là tàng trữ một khẩu súng lên đạn trong tư gia.”

Twist rút chiếc tẩu bằng gỗ thạch nam của mình ra và trầm ngâm nhìn ông bạn.

“Cho đến giờ thì nhận định của anh thế nào?”

Hurst thở dài.

“Tôi nghĩ, chúng ta đành phải chấp nhận rằng Peter Moore muốn cướp tài sản của ông chủ mình.”

“Thế theo anh, ý nghĩa câu chuyện anh ta kể là gì?”

“Nhận định còn rất mơ hồ. Nghĩ về chuyện đó xem, Twist: Điểm chính yếu của câu chuyện là gì? Phản ứng của chúng ta sau khi Moore về là gì? Tóm gọn lại: có một vụ giết người đang được lên kế hoạch, hoặc bởi ông Gordon hoặc bởi Donald Ransome. Moore biết rõ rằng chúng ta quen bọn họ.”

“Tôi hiểu. Moore muốn chúng ta khiến họ chú ý đến câu chuyện, trực tiếp hoặc gián tiếp.”

“Chính xác. Dĩ nhiên, anh ta nài nỉ chúng ta đừng kể với họ, nhưng đĩều đố chẳng có ý nghĩa gì cả. Chúng ta sẽ nghi ngờ nếu anh ta không làm vậy ấy chứ. Cứ nghĩ kỹ hơn mà xem: nếu kế hoạch khử ai đó đã bị chúng ta phát hiện, mà Gordon Miller và Donald Ransome còn cố hoàn thành kế hoạch ấy, thì quả là một hành vi mạo hiểm, tệ hại. Có thể coi việc tố giác sớm này như một lời báo động, một loại bảo hiểm tử vong, mà Peter Moore là người hưởng lợi.”

“Có thể nói cách khác rằng: Moore lo sợ một hoặc cả hai người họ đều đang âm mưu giết anh ta, nên đây chính là cách anh ta làm nhụt ý chí của họ. Anh cố thể đề xuất một động cơ không?”

“Chúng ta chỉ có thể suy đoán, nhưng tôi hình đung rằng dính dáng đến chuyện tống tiền.”

“Liên quan đêb vụ Cohen?”

“Giả dụ thế.”

“Đúng vậy. Nhưng vấn đề là thế này: Peter Moore bị Gordon Miller giết. Một vụ sắp xếp cao tay do ông ta thực hiện, giết được một người, lý do là tự vệ chính đáng. Đừng quên sự thật là ông Gordon chắc chắn nghi ngờ chúng ta đã biết về vụ thách thức. Thật sự, như vậy rất khó tin.”

“Nếu chúng ta cho rằng Moore là một kẻ tống tiền bậc thầy và vì thế là một kẻ lừa gạt, chúng ta cũng có thể cho rằng anh ta sẽ chẳng chút do dự chuyện cướp của chính ông chủ mình. Dù thế nào, cũng chỉ trùng hợp ở chỗ anh ta gặp bất ngờ và chết dưới tay ông Gordon.”

“Vậy anh gạt bỏ ý niệm về một vụ thách thức chết người?”

“Đương nhiên,” viên thanh tra mỉm cười trả lời. “Khi phải thừa nhận rằng thực tế chúng ta đã mê mẩn nó…”

Có tiếng gõ cửa và Briggs bước vào.

“Được rồi. Cậu nói hết đi,” Hurst nói thay lời chào. “Tôi nghĩ cậu không đến đây để nhìn chằm chằm vào đôi mắt đẹp của tôi.”

Thanh ưa Briggs, tỉnh bơ trước những lời châm chọc của đồng nghiệp, ngồi xuống, trên mặt hiện hữu nụ cười đã thành thói quen.

“Không có gì chắc chắn, tôi xin báo trước với các anh. Nhưng đã phần nào xác thực rằng câu chuyện của Peter Moore là bịa đặt. Vợ của một người bạn tôi biết Anna Miller rất rõ và bà ấy chắc chắn Anna không hề có người tình. Bà ấy tự nhận mình đủ thân với Anna để phát giác được bất kỳ dấu hiệu nào về một mối quan hệ thân mật. Vợ ông Gordon là một phụ nữ chung thủy, thành thật, ngay thẳng và không biết bội tín. Thỉnh thoảng họ có nói về Donald Ransome. Anh ta là một người bạn tốt của Anna Miller, không hơn. Nếu có gì đó giữa họ thì sớm muộn bà ấy cũng nhận ra. Trực giác phụ nữ mà.”

“Chà,” Hurst thở dài. “Có vậy thôi. Chết tiệt, chúng ta thật khờ khạo khi đã từng tin vào nó. Còn gì khác không?”

Briggs binh thản châm xì gà, rồi nói tiếp, “Vẫn theo chính người đó, mấy tuần cuối trước khi chết, bà Miller không được ổn lắm. Có vẻ bà ấy mất tinh thần, mỏi mệt, và gần như suy sụp, nhưng nguồn tin của tôi không biết tại sao.”

“Như vậy, vụ chết đuối có thể là một vụ tự tử?”

“Cũng không loại trừ khả năng, đặc biệt vì giả thuyết này được xác nhận bởi một nhân chứng có mặt trên bãi biển vịnh Herne vào cái ngày xảy ra bi kịch. Một đồng nghiệp kể tóm lược vụ việc cho tôi đã nói vậy, nhưng lúc nghe tôi không chú ý đến nó lắm. Nhân chứng chú ý đến vẻ mặt của người phụ nữ, tức bà Miller, khi bà ấy đến. Đó là gương mặt của người toàn những suy nghĩ u ám, không vui và ngã lòng. Nhân chứng khá cảnh giác theo dõi khi bà ấy đi ra chỗ bãi đá bởi nhận thấy bà không phải là người bơi giỏi. Nhưng, lạy Chúa! Ông ta lại không nhìn lúc bà ấy đi xuống nước để bơi ra biển.”

“Chà chà!” tliến sĩ Twist bật lên. “Có vẻ mọi việc trong nội bộ gia đình Miller không ổn tí nào.”

“Xem xét tất cả mọi chi tiết, tôi không thấy điều đó có gì lạ,” Hurst đáp lại vẻ châm biếm.

“Tôi không nói về hai vợ chồng Miller, Archibald, mà về cô Forrest, người dường như không hẳn là ngập tràn niềm vui. Nói chung, một thiếu nữ không bao giờ hút ma túy mà không có lý do. Đừng có nói với tôi là anh không nhận ra đồng tử cô ấy co nhỏ, gương mặt xanh xao, hai bàn tay run rẩy. Có thể chưa nghiêm trọng lắm, hoặc tôi nghĩ ông Gordon đã can thiệp. Một ít nhựa hoặc lá và hoa khô cần sa được trộn với sợi thuốc lá trong điếu thuốc của cô ấy… giống như loại tìm thấy trong phòng David Cohen. Rõ ràng cô ấy muốn ám chỉ nó khi nói về sở thích chung giữa họ.”

“Phố Fenchurch,” Briggs ngắt lời, đột nhiên tái nhợt. “Chính là nơi tổ chức buổi dạ hội hóa trang phải không nhỉ? Sự kiện mà Donald Ransome tham dự.”

“Đúng vậy,” Hurst cau mày trả lời. “Briggs, cậu cảm thấy không khỏe à?”

Briggs nói, “Twist, lúc nãy tôi có nói với anh về một vụ ám sát hụt trong đó nạn nhân chết vì tai nạn xe cứu thương. Vụ tấn công diễn ra đêm qua lúc 11 giờ ở phố Vine, chỉ cách phố Fenchurch một quãng ngắn đi bộ.”

Hurst bật lên vẻ bực tức, “Thì sao, chuyện đó thì liên quan gì…”

‘Nạn nhân là một ảo thuật gia. Tên anh ta chưa ghi chép trong hồ sơ cảnh sát. Nhưng là Kosminski… Stanley Kosminski.”

18

Án mạng tại phố Vine

K

hoảng 2 giờ chiều, hai nhà thám tử tới phố Vine. Hurst lái xe, trừng trừng nhìn về phía trước và chửi rủa mọi chiếc xe tình cờ chắn ngang lối của mình. Hai bàn tay nắm chặt vô lăng như dây leo, ông bấm còi inh ỏi với bất kỳ ai nhấc chân rời khỏi vỉa hè. Gương mặt ông phản ánh toàn bộ tâm trạng thích gây gổ, rất buồn cười là lại thể hiện qua mớ tóc cứ liên tục xòa xuống đôi lông mày cau lại.

“Có vẻ chuyện này chẳng hề làm anh bớt ngon miệng, Twist,” ông càu nhàu. “Bận rộn bù đầu nhưng thế nào mà anh vẫn có thời gian gọi đến món khai vị thứ hai, và cả tráng miệng nữa.”

“Theo định nghĩa, bất kỳ loại công việc nào cũng cần tiêu hao năng lượng. Mà năng lượng chỉ có thể được bổ sung nhờ hấp thụ thức ăn.”

“Tôi hiểu,” Hurst châm chọc. “Anh đang nói về công việc trí não của anh. Mà như thế, tôi sẽ không lo cho những tế bào chất xám của anh; chắc chắn chúng không chết đói rồi. Nhưng nói tôi nghe xem, anh nhồi nhét như vậy mà chúng không buồn ngủ à?”

“Chắc chắn là không.”

“Bất luận thế nào, nếu anh không bận tâm, thì gần thấy chúng không được năng suất cho lắm. Dường như anh không phải là anh mọi khi.”

“Chúng ta phải thừa nhận vụ này khác hẳn bình thường.”

Hurst bấm còi, hai khách bộ hành khinh suất chạy vụt qua phố Oxford như những chú thỏ bị giật mình. Hurst nói, “Thực là một cơn ác mộng. Anh thấy không, chẳng có một mẩu dũ kiện nào đế chúng ta tin tưởng vào. Mỏi lần tưởng rằng đã nắm thóp được gì đó, thì hóa ra lại chẳng là gì cả và trở lại vạch xuất phát. Tôi có cảm giác chúng ta còn tệ hơn khi bắt đầu.

“Peter Moore kể một câu chuyện bịa đặt, anh ta chết và chúng ta buộc phải chạy theo. Các thỏa thuận trong vụ thách thức dường như cho thấy Ransome là thủ phạm. Anh ta có chứng cứ ngoại phạm vững chắc, chúng ta đã lần theo một đầu mối sai lệch, và anh chàng thư ký có vẻ là kẻ dối trá. Thật tình cờ, một vụ án nữa lại xảy ra đúng vào thời điếm Peter Moore bị ông Gordon giết. Nạn nhân là người chúng ta đang vô vọng tìm kiếm suốt hai tháng qua: kẻ tòng phạm bi ẩn trong vụ giết hại David Cohen, một vụ án mạng thực hiện trong tình thế gần như trò ảo thuật, kẻ rất có thể là một ảo thuật gia. Khi chúng ta vừa bắt đầu nghi vấn về sự tham gia của ông Gordon và tay bạn diễn viên của ông ta, thì lại xảy ra vụ giết hại Kosminski khiến mọi quân bài xáo trộn.

“Thêm một sự trùng hợp kỳ lạ nữa, vụ tấn công này xảy ra gần một bữa tiệc mà Ransome tham dự, anh ta đã lẻn ra ngoài khoảng hai mươi phút đúng thời điểm vụ tấn công. Mọi dấu hiệu tập trung về khả năng anh ta là thủ phạm. Nhưng đến thời điểm này, rõ ràng chúng ta không thể không nghĩ về trận so tài nổi tiếng kia. Nếu vậy, ông Gordon đã giết Kosminski và đổ trách nhiệm cho bạn mình. Nhưng ông Gordon lại có chứng cứ ngoại phạm vững vàng, cũng như Ransome có chứng cứ ngoại phạm vững vàng với cái chết của Peter Moore.

“Đủ để khiến người ta phát điên. Chúng ta biết rằng một vụ án đang được lên kế hoạch từ một lời thách thức đấu tay đôi và, khi anh còn chưa kịp biết nó là gì, thì đã có hai vụ, thực hiện gần như cùng thời điểm, một vụ ám chỉ đến âm mưu của ông Gordon, vụ kia lại là âm mưu của Donald Ransome. Mỗi người đều có chứng cứ ngoại phạm vững chắc cho cái bẫy của họ. Tóm lại, vụ việc kép này chính thức chứng minh cho giả thuyết về vụ thách thức, đồng thời cũng lại phủ nhận nó.

“Thỏa thuận trong lời thách thức chỉ rõ rằng bất kỳ ai mà số phận chỉ định sẽ thực hiện một tội ác theo cách quy tội cho người kia và người thứ hai có thể dùng bất kỳ hình thức tự vệ nào nhưng không được nhắc gì đến cuộc đấu. Bất kỳ hình thức tự vệ nào,” Twist trầm ngâm nhắc lại. “Sẽ thế nào nếu một người được cho là chủ thể của vụ án đầu tiên lại chọn ‘tấn công’ làm phương pháp tự vệ, và giăng một cái bẫy tương tự cho đối thủ của mình?”

“Cực chắng đã, thì tôi có thể chấp nhận chuyện đó,” Hurst thở dài, “nếu cả hai vụ đều không được thực hiện chính xác cùng thời điểm. Hơn nữa, chứng cứ ngoại phạm của họ…”

“Mỗi người đều có thể có một đồng phạm,” nhà tội phạm học nói không mấy thuyết phục. “Anh đúng đấy, Archibald, tôi khó lòng chấp nhận một sự trừng hợp quá rõ như thế. Tuy nhiên, có một lời giải khác: ông Gordon chỉ quan tâm đến việc giết anh chàng thư ký của mình còn Donald Ransome lo Kosminski. Không hề có chuyện thách đấu bí mật, chỉ là công việc. Động cơ cho các vụ giết người là gì? Kosminski rất có thể là một nhân chứng phiền phúc trong vụ Cohen. Gã là đồng phạm của bọn họ, chừng nào còn sống thì gã cũng là mối hiểm họa cho họ. Về Peter Moore, bọn họ loại anh ta sau khi phái anh ta đến đánh lừa chúng ta về chuyện ‘thách thức’ để che mắt chúng ta trước những điều hiển nhiên.” Ông lắc đâu, “Mà không, không thể như thế. Không có câu chuyện của Peter Moore, chúng ta sẽ chẳng bao giờ có mối liên hệ tới vụ giết hại Cohen, chẳng bao giờ tìm thấy gì đáng ngờ về vụ đột nhập bi thảm, và chẳng tao giờ điều tra ra Ransome có liên hệ với Kosminski.”

Hurst vào số rất mạnh. “Trời ơi, Twist, thôi nào. Tất cả những gì chúng ta làm trong hai ngày qua là hình thành hết giả thuyết quái dị này đến giả thuyết quái dị khác.”

“Nhưng nhất định phải có một giả thuyết đúng.”

“Tôi biết: cái thứ bảy. Giả thuyết thứ bảy nổi tiếng của anh. Với tốc độ chúng ta đang đi, chắc nó phải là cái thứ mười hoặc thậm chí mười hai ấy chứ.” Ông giận dữ ấn còi hai lần. “Mẹ kiếp! Hôm nay mọi người làm sao vậy? Họ cứ lao vào bánh xe của tôi.”

Tiến sĩ Twist rất muốn thuyết phục bạn mình bình tĩnh, nhưng ông biết, dù gợi ý thế nào thì cũng sẽ chỉ đem lại hiệu quả ngược lại.

Ông nói, “Nếu chúng ta đứng lùi ra xa và xem xét lại vấn đề, thì dường như vụ giết hại David Cohen là xuất phát điểm hợp lý. Có ba khả năng: Một, Ransome thực hiện vụ đó. Hai, Miller thực hiện. Ba: họ cùng làm. Từ các sự việc, khả năng thứ ba có vẻ chắc chắn nhất. Chúng ta cũng có động cơ cho từng trường hợp: Donald, vì yêu Sheila, muốn loại bỏ tình địch; ông Gordon, lo ngại cho tương lai con gái mình, muốn loại bỏ kẻ đào mỏ.”

“Trừ phi có liên quan đến ma túy, mà trong trường hợp đó thì Miỉler và Ransome đều có thể là kẻ phải chịu trách nhiệm.”

“Ông Gordon ư? Với con gái ông ta là khách hàng ư? Anh đùa chăng? Anh thật sự bị ám ảnh rồi. Nếu anh buộc phải đi theo luận điểm đó, thì hãy làm một chuyến đến câu lạc bộ nơi Cohen chơi nhạc. Anh sẽ thấy một gã bán ma túy tởm lợm và thế là kết thúc. Việc có thể làm là gán cho hai đối tượng tình nghi của chúng ta một động cơ nữa, nếu họ tin Cohen môi giới ma túy cho Sheila. Nhưng chẳng có gì chứng minh rằng mọi việc không đi theo hướng ngược lại.”

“Anh có cơ sở nào cho nhận xét cuối cùng không?”

“Có và không. Nhưng tôi không muốn làm rối suy nghĩ của anh thêm nữa chỉ vì chuyện gì đó mà tôi chưa có chút bằng chứng nào. Nhưng tôi sẽ nói thế này: Xem chừng cô Forrest đang chất chứa một nỗi buồn rất khác thường so với một cô gái ở tuổi như vậy. Có thể nói là gần như chẳng còn động lực gì để sống tiếp nữa. Đừng hiểu chuyện này phức tạp lên, nhưng tôi cho rằng cô ấy đã sử dụng ma túy trước khi gặp anh Cohen.”

“Thế đấy, anh lại chơi trò ảo thuật rồi,” viên thanh tra càu nhàu, răng nghiến chặt. “Xin anh nhớ cho, tôi thích như thế hơn là nghe anh đong đếm chuyện phải trái đúng sai của mọi tình tiết nhỏ nhặt trong vụ này.”

“Tôi xin nhắc anh rằng anh chưa hề biết ngại trong lĩnh vực đó.”

“Tôi biết, Twist, tôi biết. Đấy chính là vấn dề. Dù có quay ngược thời gian đến đâu thì tôi cũng không thể nhớ nổi một vụ án khiến chúng ta phải tranh luận nhiều đến vậy, dựng lên nhiều giả định đến vậy, kết hợp nhiều khả năng đến vậy, nêu ra nhiều giả thuyết đến vậy, rồi gạt bỏ, và lại và nghiền ngẫm chúng…”

Họ không nóỉ thêm lời nào cho tới khi đến phố Kenchurch, ở đây Hurst đi chậm lại. ông chỉ về mặt tiền trang nhã và ấn tượng của một tòa nhà bên trái, gần cuối phố.

“Guy Williams sống ở đó đấy,” ông nói.

Đi tiếp một trăm thước nữa, họ vào phố Aldgate. Họ rẽ phải, phóng vào phố Jewry rồi rẽ trái, sang phố George, cuối cùng mới vào phố Vine chật hẹp và tối tăm.

Bên phải là bức tường ngăn buồn tẻ và gớm guốc của một nhà kho. Đối diện bức tường là cụm nhà ba tầng tua tủa những cây cột đang phơi đầy quần áo của cư dân: đúng là màn trình diễn của những mảnh cờ trắng nổi bật trên nền tường gạch đen và bầu trời xám xịt.

Chiếc xe chạy lạo xạo trên lớp đá cuội gồ ghề được vài thước, rồi dừng lại trước nhà số 8, đỗ sau một chiếc xe cảnh sát.

“Johnson đã tới rồi,” viên thanh tra nói và tắt máy. “Anh nghĩ sao, Twist? Từ đây tới nhà Guy Williams, chưa đây nửa dặm phải không? Như vậy là đi bộ năm phút với tốc độ bình thường. Nếu rảo chân, chưa đây bảy phút vừa đi vừa về, như thế dư ra ít nhất mười phút để… Ta đi nào.” Sau hồi chuông dài, một người phụ nữ có bộ mặt cáu kỉnh ra mở cửa và nhìn họ đầy nghi ngại.

“Tầng ba, đầu tiên bên phải,” bà ta rít lên, trước khi họ kịp giới thiệu bản thân.

Hurst thở phì phò và hổn hển sau ba đợt cầu thang họ đến một hành lang tối tăm nồng nặc mùi mốc meo. ông đẩy một cánh cửa đã mở hé và, với những bước nặng trịch, tiến vào căn hộ của Stanley Kosminski. Hạ sĩ Johnson đang khom mình bên cái bàn dưới cửa sổ, đứng thẳng lên và chào họ.

Hurst tiến vào căn phòng bẩn thỉu. Hai chiếc tủ lắp gương kê đối diện nhau; một chiếc giường bừa bộn loang lổ những đốm thẫm màu; bên trái giường là một chiếc bàn; bên phải là một chiếc tủ ngăn kéo chất đống sách. Các bức tường phủ giấy dán đã bạc màu, có rất nhiều hình chụp các nghệ sĩ xiếc và nhà hát ca múa nhạc. Cánh cửa để ngỏ dẫn tới một phòng tắm nhỏ xíu.

Viên hạ sĩ hất cằm ra dấu có gì đó trên bàn. Hai nhà thám tử nhìn cái hộp giày mà lúc họ vào đến anh ta đang kiểm tra, rồi cùng bật kêu lên ngạc nhiên khi thấy thứ bên trong.

“Tôi tìm thấy lúc các anh vào,” Johnson nói. “Nó ở trên nóc tủ.” Anh thọc tay vào hộp và rút ra một nắm tiền, “Chắc đây là thu hoạch cả năm trời ở cái nhà hát tồi tàn nơi anh ta làm việc.”

Viên thanh tra nhặt một nắm tiền và ướm nặng nhẹ trên tay, như thể đó là tiền lời từ một khoản đầu tư khôn ngoan. Nở nụ cười bi hiểm, ông trả bằng chứng về chỗ cũ rồi ngồi xuống một chiếc ghế và nhấc mũ ra.

“Động cơ của vụ án đã rõ ràng,” viên hạ sĩ nói.

“Tôi sẽ rất ngạc nhiên đấy,” Hurst đáp lại.

“Nhưng…”

“Tiền vẫn ở đây, phải không? Và nhất là lại được cất giấu chẳng kĩ càng.”

“Anh biết mà, kẻ tấn công không có nhiều thời gian để sục sạo, bởi vì…”

“Tôi biết, Briggs nói với tôi rồi. Nhưng hãy cho tôi biết, Johnson, liệu vụ này dễ dàng đến vậy, thì tôi có ở đây không?”

“Ồ, tôi…” viên hạ sĩ trẻ lầm bầm, đầu gằm xuổng như một cậu học sinh bị bắt quả tang quay cóp.

“Được rồi. Kể cho chúng tôi mọi điêu cậu biết đi.”

Johnson bước lại cái tủ ngăn kéo và chỉ bức ảnh người đàn ông cao, vóc dáng vạm vỡ đang cúi xuống một cái rương cắt làm đôi, bên trong có một thiếu nữ với phần đầu lấp ló ở một bên và chân ở phía bên kia.

“Là anh ta đấy, Stanley Kosminski. Ảo thuật gia chuyên nghiệp. Cho tới tối qua, anh ta vẫn thường xuyên biểu diễn ở một nhà hát tồi tàn trong ngõ phía sau đường Commercial, không xa đây lắm.”

“Cảm ơn cậu. Tôi có biết khu đó.”

Johnson vờ như không nghe thấy và tiếp tục. “Sáng nay tôi có gặp ông chủ một lát. Nhà hát phái đóng cửa vài tuần để sửa chữa. Qua đó ta hiểu tại sao tối qua Kosminski lại ở nhà. Khoảng 11 giờ, mấy nguờì thuê phòng gần đây nghe thấy những tiếng huỳnh huỵch rất rõ, có tiếng kêu bị tắc lại. Tất cả chỉ diễn ra có vài giây, sau đó một cánh cửa sập mạnh và ai đó chạy hùng hục xuống cầu thang. Người ở phòng cuối là nhân viên bảo vệ ban đêm và chuẩn bị vào ca trực. Anh ta thoáng thấy một cái bóng ở buồng cầu thang. Rất tiếc là anh ta lại không tả được nhiều bởi vì nguồn ánh sáng trong hành lang chỉ tới từ các phòng. Điều duy nhất anh ta có thể chắc chắn, đó là một người tóc sáng màu mặc bộ đồ sẫm màu.”

“Tóc vàng à?” Hurst hỏi, ngồi thẳng dậy.

“Vâng.”

“To cao? Thấp bé? Béo? Hay gầy?”

“Tôi đã hỏi anh ta một lúc lâu, như ông có thể hình dung, nhưng anh ta không tài nào kể nổi thêm điều gì nữa. Điều kỳ cục là, kẻ bỏ trốn bị ông Henry chồng của bà chủ nhà, lúc ấy đang trở về nhà, nhìn thấy ở góc phố George, cách đây chưa đầy năm mươi thước.”

“Có gì kỳ lạ ở chi tiết đó chứ?”

“À. Henry va phải một người đang vội vã, nhưng lại không phải tóc vàng. Ông ta cũng không thể mô tả chi tiết, bởi vì sau khi va phải người đàn ông và gã chạy biến đi, ông ta chỉ kịp nhìn thấy phần lưng. Henry nói đó là một người tâm thước, mặc đồ đen và có mái tóc đen hoặc thẫm.”

Hurst lặng người nhìn Twist.

Johnson hắng giọng.

“Rất kỳ lạ, tôi biết vậy. Nhưng tôi nghĩ nhân chứng nhầm ở điểm cuối cùng, ông ta vừa rời quán rượu ở góc phố. Ông ta chưa say hẳn, nhưng hơi thở vẫn nồng mùi rượu. Với lại, ông ta quả quyết rằng cái kẻ va vào mình chính là kẻ tấn công, bởi vì khi về đến nhà thì được bà vợ kể cho nghe những gì vừa xảy ra.”

“Đám nhân chứng chết tiệt này lúc nào cũng như nhau,” Hurst hậm hực, nắm tay siết chặt. “Cứ như thể họ rất sung sướng khi đưa ra những lời khai mâu thuẫn. ‘Một người tầm thước’, như thế có nghĩa gỉ chứ? Đừng cố nói với tôi ông ta không thể mô tả chính xác hơn được nữa đấy.”

“Gã không to lớn cũng chẳng nhỏ con,” Johnson kiên nhẫn nhắc lại. “Ông ta khá chắc chắn về chi tiết đó, nhưng chỉ có vậy. Anh biết đấy, thưa thanh toa. Ban đêm ánh sáng ở khu vực này không được tốt, tôi nhận thấy điều đó từ hôm qua. Tôi thành thực nghĩ chứng ta vẫn còn may khi tìm được hai nhân chứng. Như thế là rất đáng chú ý ở dạng vụ việc này.

“Chúng tôi đến đây vào khoảng 11 giờ rưỡi. Kosminski nằm trên giường, vẫn còn hơi tỉnh. Bộ đồ ngủ đầy máu. Mũi bị gãy và người toàn vết dao đâm, hai nhát bên cánh tay trái và đến nửa tá vết ở thân trên, ngay gần tim. Không nhát nào chí mạng cả. Tiến trình của vụ án rất dễ dựng lại. Kosminski ở trên giường, đã mặc đồ ngủ. Có khách gõ của, anh ta đứng dậy, mở cửa, bị đánh vào mặt và ngã ngược trở lại giường. Kẻ tấn công nhảy chồm lên anh ta với ý đồ hạ sát. Tôi nghĩ chẳng có nhiều nghi vấn về ý đồ này, vì tất cả các cú đòn đều nhằm vào tim. Kosminski, nửa tỉnh nửa mơ, không kháng cự được mấy…”

“Tồi rất muốn biết,” Hurst ngắt lời, “làm sao cậu phán đoán được như vậy.”

Johnson ra hiệu về phía cánh cửa.

“Cái chốt cửa,” tiến sĩ Twist nhận xét. “Nó vẫn y nguvên, tức là kẻ đột nhập không phải phá cửa. Và với số tiền Kosminski đang giữ, rất khó hình dung anh ta đi ngủ mà không chốt cửa.”

“Đúng vậy. Và tôi không thể hình dung kẻ tấn công bám theo anh ta với một con dao, lại vứt nó xuống để đánh nạn nhân, rồi mới nhặt dao lên. Rõ ràng việc đâu tiên hắn làm là tìm cách hạ gục anh ta.”

Twist tiếp tục, “Nhưng Kosminski tiếp nhận cú đánh khá tốt, và đã kháng cự được một lúc.”

“Kẻ tấn công định kết liễu anh ta thật nhanh, vì nhận ra rằng tiếng động của vụ xô xát sẽ gây chú ý, và sự nôn nóng này của gã đã cứu mạng Kosminski,” Johnson thở dài kết luận.

“Như vậy đáng lẽ anh ta đã sống sót, nhưng cuối cùng lại chết vì vụ tai nạn trên đường xe đưa cấp cứu?”

“Nhân viên phục vụ nói thế. Anh ta mất rất nhiều máu, nhưng tính mạng không có vẻ nguy hiểm.”

“Cậu có tìm cách hỏi chuyện anh ta trước lúc xe cứu thương đến không?”

“Anh ta quá đau đớn. Chỉ một vài tiếng rên rỉ rất khẽ, có vậy thôi.”

19

Anh trai của Kosminski

T

in tức về cái chết của Kosminski, nhìn chung, không gây nhiều đau xót và thương tiếc cho lắm. Nhưng riêng với một người thì nó lại gây ra ảnh hưởng rất gớm ghê. Đó là Philip Lester, chủ rạp hát Whitechapel, vốn chỉ là một tiệm tạp kỹ ăn uống với sân khấu biểu diễn bên trong.

Ngoài số tiền lớn đựng ở hộp giày, và mặc dù đã kiểm tra kỹ càng khu nhà, các thám tử vẫn rời căn hộ của Kosminski với hai bàn tay trắng, không có lấy một manh mối khả dĩ nào chỉ dẫn cho họ.

Hurst đã thẩm vấn Henry và không thành công. Phần mô tả của ông ta về cái kẻ đã va vào mình chẳng có gì đáng tham khảo hơn so với lời thuật lại của Johnson.

“Quả là tin buồn,” Philip Lester, một người nhỏ thó mập mạp với khuôn mặt dường như luôn nhớp nháp mồ hôi, than vãn. “Người ta nói chẳng có ai là không thể thay thế, nhưng tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu bất kỳ lúc nào trong tương lai mà tìm được một người có phẩm chất như cậu ấy, tất nhiên là về mặt chuyên môn, và có nhu cầu tài chính khiêm nhường đến vậy. Các ông hiểu cho, với các vị khách quen ở khu này của thành phố, tôi rất khó cạnh tranh được với khu West End chẳng hạn. Trời ơi! Trời ơi! Cậu ấy khiến tôi rắc rối to rồi. Thật sự cậu ấy chọn thời điểm có lẽ là tồi tệ nhất. Như các ông thấy đấy, tôi đang tiến hành một số cải tạo. Nhưng bây giờ, tôi băn khoăn liệu việc đó còn đáng không.”

Nhìn quanh, Hurst và Twist có thể thấy, đằng sau những chỗ cải tạo, căn phòng trong tình trạng xuống cấp thấy rõ.

“Ông nói rằng anh Kosminski là một ảo thuật gia xuất sắc,” Twist nhận xét, mắt nhìn những dụng cụ khác nhau nằm rải rác dưới sàn.

“Rất cừ, đúng vậy. Không còn nhiều người như thế đâu,” Philip Lester hãnh diện đáp. “Tiết mục tủ của cậu ấy là những màn diễn biến mất.”

Một ánh nhìn đầy quan tâm hiện lên trong mắt viên thanh tra. Twist nói tiếp, “Ông Lester, không có ý xúc phạm đâu nhưng tôi thấy rất lạ là một ai đó có tài năng như anh Kosminski lại không tìm cách thử làm việc ở đâu đó… chẳng hạn trong các nhà hát nơi anh ta có thể kỳ vọng một khoản thù lao hậu hĩnh hơn.”

“Tôi hiểu rất rõ. Nhưng, ông thấy đấy, bốn hay năm năm trước, Kosminski gặp chuyện không may. Cậu ấy đang trình diễn màn phi dao của mình, không hề dùng mưu mẹo, ngược hẳn với trò diễn của hầu hết các đồng nghiệp. Một lưỡi dao đã cắm vào vai bạn diễn đông thời cũng chấm đứt tương lai sự nghiệp của cậu.” Im lặng. “Nhưng ở đây, các ông thấy đấy, chúng tôi sẵn sàng bỏ qua những chi tiết như thế.”

“Ông có biết liệu anh ta có kẻ thù nào không?”

Philip Lester ngẫm nghĩ một lúc.

“Tôi không nhận thấy ai cả. Nhưng tôi nghĩ anh trai cậu ấy có thể trả lời rõ hơn tôi.”

Twist nói, “Theo lời bà chủ nhà trọ của anh ấy, Kosminski cất giữ các thiết bị ảo thuật ở đây. Chúng tôi ngó qua được không?”

Philip Lester gật đầu và mời họ theo ông. Vài phút sau họ đã ở trong một gian phòng khá ẩm thấp chất đầy vaili đủ mọi kích cỡ.

“Tôi sẽ để các ông xử lý thứ đó,” ông chủ tiệm tạp kỹ nói. “Nếu các ông cần tôi vì bất kỳ điều gì, thì tôi ở trong văn phòng mình.”

Ông ta vừa đi khỏi, Hurst bật ra tiếng cười khùng khục. “Chuyên về các trò biến mất. Điều gì đó mách bảo tôi rằng nó không thể không có liên hệ tới một vụ án mạng nào đó.”

Twist dường như không lắng nghe, ông đang lục lọi các thiết bị của anh chàng ảo thuật gia quá cố, như một con chó săn đang lần tìm dấu mùi. Trước con mắt ôn hòa của viên thanh tra, ông lần lượt mở các va-li, để lộ ra những thứ rất đỗi quen thuộc với ông: gương, dây thừng, kiếm, thanh kim loại, khăn, mũ chóp cao và nhiều thứ khác.

Sau mười lăm phút, nhà tội phạm học đứng lên và đập đập hai tay cho bớt bụi.

“Anh định tìm cái gì vậy, anh bạn?” viên thanh tra vui vẻ hỏi. “Trang phục bác sĩ dịch hạch ư? Bọn họ sẽ cởi bỏ ngay, anh có thể đoan chắc như vậy.”

Tiến sĩ Twist ngẫm nghĩ một lát, rồi chỉ một chiếc rương cỡ bằng cỗ quan tài. “Anh có biết thứ đó làm gì không?”

“Để tôi xem? Có các rãnh ở phần sườn hẹp… một loại dụng cụ liên quan đến việc cưa một phụ nữ làm đôi chăng?”

“Chính nó. Đúng như chúng ta thấy trên bức ảnh. Nhưng, Archibald, anh có biết màn biểu diễn được thực hiện như thế nào không?”

“Không, trời ơi, tôi không biết. Tôi xem màn đó trên sân khấu cũng nhiều và lần nào tôi cũng căng óc tìm lời giải thích.”

“Hay lắm,” nhà tội phạm học trả lời, nhặt một cái cưa lên. “Tôi đề nghị một thử nghiệm nhanh. Lại đây nào.”

“Sao cơ?” Viên thanh tra kêu lớn, làm rơi cả điếu xì gà. “Nếu anh nghĩ tôi sẽ chui vào trong thứ đó thì anh nhầm đấy.”

“Được rồi,” Twist đáp, rõ ràng hết sức nghiêm túc. “Thế thì anh sẽ không biết được đáp án đâu.”

Hurst lầm bầm rồi mạnh tay giật mở một cánh tủ quần áo, như để trút bỏ tâm trạng thất vọng của mình.

“Ối chà, chúng ta có gì thế này? Quần áo của cái gã trong cỗ máy Maelzel. Anh nhớ không, cái tay chơi cờ ấy.” Twist bước lại. Hai bộ dồ Ấn Độ treo trong cái tủ quần áo nhỏ.

“Và, theo lời ông Gordon, anh chỉ phải chui vào mấy bộ đồ này là trở thành một cao thủ cờ. Ha ha!”

Vẻ cao hứng của viên thanh tra không được hưởng ứng. Twist thậm chí còn tỏ ra nghiêm nghị hơn. Trầm ngâm một lúc, ông kiểm tra tủ quần áo, trên giá treo rất nhiều loại quần áo khác nhau. Sau đó, ông cúi xuống, mở một chiếc va-li lớn ra và sững người, nhìn chằm chằm những thứ bên trong: một cái áo chẽn dệt từ những sợi kim loại dày gắn vài thanh kim loại, các thanh này dài, ngắn khác nhau, một số còn có ốc vít và đai ốc đằng mút cuối.

“Nếu chúng ta giải quyết được vụ này, Archibald, công lao sẽ lại thuộc về anh đấy.”

Khi đồng hồ điểm năm tiếng, không khí im phăng phắc. Nguồn sáng duy nhất phát ra từ ngọn đèn trên bàn ông Gordon. Thứ ánh sáng dìu dịu của nó soi tỏ gương mặt tay diễn viên và nhà viết kịch ngồi đối diện, những đường nét cứng đờ cùa họ thậm chí còn gây khó chịu hơn cả những chiếc mặt nạ xung quanh. Donald Ransome vừa báo tin về cái chết của Kosminski cho bạn mình. Đáp lại, Gordon Miller nhặt bốn viên bi từ ngăn kéo và bắt đầu mân mê trên tay. Ngoài cử chỉ đó, ông ta vẫn im lặng, nét mặt vừa giận dữ, vừa bấn loạn.

“Cũng cần phải nhưvậy,” cuối cùng ông ta nói. “Mà ai cung cấp tin cho cậu vậy?”

“Guy Williams. Ông ấy gọi điện cho tôi đâu giờ chiều nay. Ông ấy sống gần Stanley, anh biết mà.”

“Cũng cần phải như vậy,” ông Gordon lặp lại, giọng điệu đầy sát khí.

“Ở một số khía cạnh, tôi không thể không thắc mắc liệu vụ tai nạn xe cứu thương có phải là may mắn không,” Ransome thở dài. “Giờ thì anh ta chẳng nói gì được nữa rồi.”

“May mắn! Cậu tưởng đám cảnh sát là lũ đần sao? Trước đó, bọn họ không biết Kosminski là ai, nhưng giờ… Chắc chắn cậu không nghĩ bọn họ sẽ không lần ra mối liên hệ đấy chứ. Cứ đặt mình vào địa vị họ xem. Chúng ta sẽ nói gì với họ đây? Rằng chúng ta không biết hắn à? Họ sẽ nhanh chóng bác bỏ điều đó. Và khi đối chiếu với câu chuyện cậu kể về cú điện thoại từ một người hâm mộ tối qua… Tốt hơn cả là cậu nên ngậm miệng lại.”

“Vậy theo anh tôi có nên nói cho họ biết tên của người gọi không?”

“Không, dĩ nhiên là không. Như thế sẽ càng tệ hại hơn.”

“Chỉ muốn nhắc anh, bấy giờ tôi không thể biết rằng có ai đó đang tìm cách giết Stanley.”

“Đúng, rõ ràng là vậy,” nhà viết kịch nhẹ nhàng tán thành. “Nhưng mục đích của cuộc gọi đó là cái quỷ gì? Và kẻ tấn công là ai?”

Ransome châm một điếu thuốc và lắc đầu.

“Thật sự, tôi không thấy có manh mốì gì để đoán ra được.”

Ông Gordon đứng dậy để lấy một chai whisky và hai cái ly rồi lặng lẽ rót đầy, “Tôi băn khoăn liệu nói cho họ sự thật về Peter có tốt hơn không.”

Ransome ngước lên, môi thoáng nụ cuời. “Gã đã nhận cái giá xứng đáng với gã. Những gì gã thêm vào câu chuyện của mình rõ ràng đà chứng minh thái độ giả dối. Ít nhất chúng ta có thể nói vụ trộm đó chẳng giúp ích được gì cả. Tôi hy vọng anh nhận ra: nếu chúng ta tiết lộ cái bẫy của mình, hành động của anh sẽ rất đáng ngờ, nếu không bị coi là có dự mưu.”

“Tôi hiểu mà. Tôi đâu có ngốc,” ông Gordon vặc lại. “Nhưng giờ, ngọn triều đang chống lại chúng ta đấy. Chúng ta đang mắc kẹt trong những lời dối trá. Nếu chỉ có hai chúng ta thì không đến nỗi tệ. Nhưng còn Shoila. Chỉ cần cảnh sát hỏi con bé những câu đúng trọng điểm là chúng ta rất dễ gặp phiền phức đấy.”

Ransome uống cạn ly của mình. “Tôi sẽ nói chuyện với cô ấy.”

“Tôi đã hướng dẫn con bé rồi.”

Nam diễn viên chậm rãi lùa tay qua mái tóc vàng của mình, nhặt một viên bi của Gordon lên, ngắm nghía nó một lúc rồi nói.

“Tôi tự hỏi tiến sĩ Twist và cái lão thanh tra đần độn nọ nghi gì về chúng ta. Chắc họ tin chúng ta đang trong quá trinh tiêu diệt lẫn nhau theo lời thách thức trứ danh kia.”

Quãng 8 giờ tối, chiếc Talbot màu xanh dương của thanh tra Hurst từ từ chạy dọc phố Commercial. Đường sá vắng lặng, bảng lảng sương mù, phủ mở mấy ngọn đèn đường lác đác lẫn những cái bóng thưa thớt của khách bộ hành.

Viên thanh tra gò người xuống vỏ lăng, vừa nhìn đường vừa nói. Tôi không biết liệu anh có để ý không, Twist, nhưng trừ nhà của Miller và Ransome, mọi sự kiện đều diễn ra ở khu vực này của Luân Đôn. Nhà Guy Wíiliams ở ngay rìa phía Đông thành phố. Xa hơn một chút là phố Vine, cách phổ Goring nơi David Cohen chết độ năm phút đi bộ, và đi thêm một dặm nữa sẽ đến tiệm tạp kỹ của tay Lester đen đủi từng nói với chúng ta rằng có thể tìm được anh trai Kosminski mà gã này thì đang ở quán Ten Bells, không xa đây lắm.”

Twist, với vè cương quyết trên mặt, quan sát những ngôi nhà buồn thảm ở khu Whitechapel vùn vụt trôi qua.

“Chẳng rõ nơi này đã hồi phục sau sự kiện ghê gớm nửa thế kỷ trước chưa,” ông rầu rĩ đáp. “Nhìn mấy tòa nhà hung hiểm, tường vách, gạch ngói kia xem, dường như vẫn toát ra mùi máu tanh. Máu của những nạn nhân bất hạnh của con quái vật ấy.”

“Thật sự anh tin đây là lúc để nhớ lại vụ giết người hàng loạt ghê tởm đó à?” Hurst càu nhàu, cố kìm một cơn rùng mình.

“Từng viên đá dường như đều gợi nhớ mùa thu đẫm máu đó. Bóng dáng tên sát nhân vẫn còn lảng vảng trên đường phố, anh vẫn có thể cảm thấy mà.”

“Đủ rồi đấy! Chỉ nói thêm một lời về Jack Đồ tể là anh tự đi mà thẩm vấn Joseph Kosminski. Thề có Chúa, anh bị ám ảnh với gã này rồi! Nếu tôi không biết anh lâu như vậy thì tôi rất lo ngại về trạng thái mất cân bằng tâm lý của anh đấy. Người ta gần như có thể nghĩ là anh ngưỡng mộ hắn!”

“Theo tôi biết thì hắn là tên tội phạm duy nhất thuộc tầm cỡ hạ gục được Sở Cảnh sát Luân Đôn. Cho nên, chúng ta có thể coi hắn là một nghệ sĩ - hoặc, đúng hơn, một kẻ theo chủ nghĩa thuần túy. Hắn chỉ sử dụng gươm kiếm và luôn ‘làm việc’ ở cùng một khu vực: tại đây, nơi chúng ta đang có mặt. Hắn còn ghi điểm cộng bằng cách thông báo với cảnh sát trước mỗi vụ tấn công, như thể cho họ cơ hội để bắt hắn… Nhưng, tôi nghĩ chúng ta tới nơi rồi.”

Hurst đỗ xe gần nhà thờ Công giáo Spitalfields, với phần mặt tiền vươn cao vượt màn sương. Họ vừa mới ra khỏi xe thì chuông nhà thờ đỉểm 8 giờ. Chắc hẳn tiếng chuông cuối cùng đã đánh thức một chú chó gần đó nên nó bắt đầu cất tiếng sủa. Có thể thấy một khuôn cửa sổ lồi tỏa ánh sáng vàng vàng ở góc phố kế tiếp và cả tiếng cười chói tai nữa. Hurst đi về phía quán Ten Bells, nhưng Twist thì vẫn đứng yên, nhìn xoáy vào một lối đi tối tăm đối diện nhà thờ.

“Chính ở đây, trong cái ngõ này, hắn thực biện tội ác cuối cùng, vụ kinh khủng nhất. Một vụ tàn sát thực sự.”

Viên thanh tra, vừa dừng lại để đợi Twist, thất vọng quay gót bước đi.

Mùi bia và thuốc lá sực lên chào đón khi họ bước chân qua ngưỡng cửa quán rượu, nơi dân địa phương đang hào hứng thấy rõ. Họ không khó khăn gì nhận ra Joseph Kosminski trong đám đông. Mặc dù thấp hơn Stanley, nhung anh ta rất giống em trai với đôi vai chắc khỏe, mái tóc đen dày, khuôn mặt chữ điền và ánh nhìn dữ dội. Anh ta đang đứng bên quầy rượu cùng một người bạn. Hai chầu bia đủ để xua đi mọi ngờ vực và vài phút sau anh trai nạn nhân đã ngồi trong góc phòng với hai nhà thám từ.

Joseph Kosminski làm việc tại chợ Spitalfields và có quan hệ rất tốt với em trai mình, người thân duy nhất của anh ta ở đất nước này, gần như tuần nào họ cũng gặp nhau. Cái chết đột ngột của em trai khiến anh choáng váng và chảng mảy may hay biết ai đã gây ra vụ đó.

“Tin tôi di, nếu biết gì tôi sẽ là người đầu tiên giúp các ông. Nhưng, dù hết sức cố gắng, tôi cũng không thể nghĩ ra ai lại muốn làm hại nó.”

Hurst nói, nhìn thẳng vào mắt anh, “Anh có biết rằng em trai anh cất giữ một số tiền lớn trong nhà không?”

“Số tiền đó bị đánh cắp à?”

“Trả lời câu hỏi đi, anh Kosminski.”

“Ờ, loáng thoáng. Nó có nói qua.”

“Cách đây bao lâu?”

“Khoảng nửa tháng,” Joseph trả lời, giờ ró vẻ đề phòng. “Nhưng chắc các ông không nghĩ chính tôi…”

“Không, cứ yên tâm. Trộm cướp có vẻ không phải là động cơ của vụ án này, đặc biệt là tiền không hề bị lấy đi. Nhưng chính xác cậu ta đã nói gì với anh?”

Joseph nhíu mày như thể đang cố tập hợp lại các suy nghĩ.

“Nó đến tìm tôi vào một buổi tối và mời tôi tới một nhà hàng, bảo rằng để nó trả tiền. ‘Hôm nay, anh Jo, em trúng mánh! Thế thôi, và chẳng cần phải cố gắng nhiều.’ Tôi hỏi có phải nó có hợp đồng mới không và nó nói: ‘Chẳng có gì. Rất tiếc, em không thể kể với anh cụ thể hơn.’ Nó bắt đầu cười và nói, vẻ bí hiểm: ‘Hơi ám muội một chút. Anh biết càng ít thì càng tốt cho tất cả mọi người.’ Tôi không ép nó. Em trai tôi khá hài hước, tôi không xác định được nó đang trêu chọc tôi hay nó nghiêm túc nữa.”

“Tôi sẽ hỏi anh một câu hỏi tế nhị và khuyên anh nghĩ thật kỹ trước khi trả lời. Số tiền này, liệu có phải là kết quả của công việc gì đó bất lương, chẳng hạn như tống tiền không?”

Joseph Kosminski tìm cách né tránh câu hỏi, nhưng cuối cùng cũng phải thừa nhận ràng, nếu em trai mình sở hữu một số tiền lớn như vậy, và căn cứ vào việc anh ta im lặng về vấn đề này, thì không thể loại trừ khả năng đó, mặc dù không có gì để chứng minh cả.

Hurst gọi thêm một chầu, và tiếp tục. “Có phải ông Gordon Miller và Donald Ransome là bạn bè của em trai anh không?”

Joseph trả lời không chút do dự. “Vâng, nó có nhắc đến họ một lần.”

Mặc dù đã trông đợi một câu trả lời tích cực nhưng viên thanh tra vẫn há hốc miệng vì ngạc nhiên lần vui mừng.

“Anh Kosminski,” ông nhẹ nhàng nói, như thể đang nói với một sinh vật hoang dã mà ông sợ có thể chạy mất bất kỳ lúc nào, “anh có thể nói chính xác hơn về quan hệ của họ không?”

“Chà, cũng chưa lâu lắm đâu. Tôi nghĩ họ gặp nhau khá thường xuyên. Có lẽ để nói về các trò ảo thuật. Theo như tôi nhận định, họ là những người ưa bông đùa giống như nó. Các ông biết đấy, em trai tôi chẳng yêu thích gì ngoài các trò đùa bỡn. Đó gần như là một phản xạ với nó vậy. Cũng chẳng có gì là lạ, nhất là trong nghề của nó. Tôi chỉ có thể nói được đến thế thôi.”

“Khi anh nói ‘cũng chưa lâu lắm đâu’, liệu tôi có thể suy luận từ câu đó rằng họ đã không gặp nhau một thời gian không?”

“Giờ thì ông hỏi quá nhiều rồi. Tất cả những gì tôi biết là, nó không nói về họ đã vài tuần rồi.”

“Khoảng hai tháng, anh định nói vậy chăng?”

“Vâng, có lẽ.”

Hurst thở dài và ngẫm nghĩ một lát.

“Hai tháng trước, bấy giờ mới đầu tháng Chín. Hãy cố nhớ, anh Kosminski: khoảng thời gian đó em trai anh có nhắc nhỏm gì đến một trò bịp hay trò đùa nào có liên quan đến ông Gordon và anh chàng diễn viên không?”

Đến lúc đó, bia được mang ra và Joseph Kosminski uống cạn nửa ly của mình, dường như nó đã giúp ích cho trí nhớ của anh ta.